

LỜI NÓI ĐẦU

Nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa có sự can thiệp của nhà nước là con đường phát triển kinh tế đúng đắn. Theo đó nền kinh tế ngày một phát triển, cùng với nó là sự phát triển tất yếu của các thành phần kinh tế mà cụ thể hơn là của từng doanh nghiệp. Để tồn tại và phát triển, lợi nhuận đã trở thành mục tiêu hàng đầu và mang tính sống còn của mỗi doanh nghiệp.

Đối với mỗi doanh nghiệp để tiến hành sản xuất kinh doanh, tạo ra sản phẩm, dịch vụ cần ba yếu tố đó là: tư liệu lao động, đối tượng lao động và sức lao động. Các tư liệu lao động (máy móc thiết bị, nhà xưởng, phương tiện vận tải...) là những phương tiện vật chất mà con người sử dụng để tác động vào đối tượng lao động, biến đổi nó theo mục đích của mình. Mà chính bộ phận quan trọng nhất trong các tư liệu lao động được sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh đó là tài sản cố định (TSCĐ). Thông qua việc khai thác sử dụng tài sản cố định của các kỳ kinh doanh trước, doanh nghiệp sẽ đặt ra các biện pháp, chính sách sử dụng cho các kỳ kinh doanh tới sao cho có lợi nhất để đạt hiệu quả cao nhất nhằm đem lại hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp.

Xuất phát từ vai trò và tầm quan trọng của hiệu quả sử dụng TSCĐ đối với các doanh nghiệp, trong quá trình học tập ở trường và thời gian đã thực tập tại công ty Cổ Phần Anh Linh, cùng với sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn và ban lãnh đạo phòng kế toán của công ty em đã mạnh dạn chọn đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ với việc nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ tại công ty cổ phần Anh Linh”. Với mong muốn góp một phần công sức nhỏ bé của mình vào công cuộc cải tiến và nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ tại công ty.

Đây là thực sự là vấn đề phức tạp mà giải quyết nó không những phải có kiến thức, năng lực mà còn phải có kinh nghiệm thực tế. Mặt khác do những hạn chế nhất định về mặt trình độ nên chắc chắn bài viết không tránh khỏi những thiếu sót.

Em rất mong nhận được những ý kiến nhận xét và đóng góp của các thầy cô để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Nội dung kết cấu của khóa luận:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán TSCĐ tại doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác tổ chức kế toán TSCĐ tại công ty Cổ Phần Anh Linh.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại công ty Cổ Phần Anh Linh.

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán

Tài sản cố định tại Doanh nghiệp

1.1. Những vấn đề chung về tài sản cố định.

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm tài sản cố định.

1.1.1.1. Khái niệm:

Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp (DN) phải có các yếu tố: sức lao động, tư liệu lao động và đối tượng lao động.

Khác với các đối tượng lao động (nguyên nhiên vật liệu sản phẩm dở dang, bán thành phẩm,...) thì các tư liệu lao động (máy móc thiết bị, nhà xưởng, phương tiện vận tải...) là những phương tiện vật chất mà con người sử dụng để tác động vào đối tượng lao động, biến đổi nó theo mục đích của mình.

Bộ phận quan trọng nhất trong các tư liệu lao động sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là các TSCĐ. Đó là những tư liệu lao động chủ yếu được sử dụng một cách trực tiếp hay gián tiếp trong quá trình sản xuất kinh doanh như máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, nhà xưởng, các công trình kiến trúc, các khoản chi phí đầu tư mua sắm các tài sản cố định vô hình... Thông thường một tư liệu lao động được coi là một TSCĐ phải đồng thời thỏa mãn bốn tiêu chuẩn cơ bản:

- Tài sản phải có thời gian sử dụng tối thiểu, thường là 1 năm trở lên.
- Chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai từ việc sử dụng TSCĐ đó.
- Tài sản phải đạt giá trị tối thiểu ở một mức quy định. Theo quyết định số 206/2006/QĐ- BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính thì TSCĐ phải có giá trị từ 10.000.000 đồng trở lên.
- Nguyên giá được xác định một cách chắc chắn, đáng tin cậy.

Những tư liệu lao động không đủ tiêu chuẩn quy định trên được coi là công cụ lao động nhỏ, được mua sắm bằng nguồn vốn lưu động của doanh nghiệp.

Từ những nội dung trình bày trên có thể rút ra định nghĩa về TSCĐ trong doanh nghiệp như sau: TSCĐ của doanh nghiệp là những tài sản chủ yếu có giá trị lớn tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất.

1.1.1.2. Đặc điểm tài sản cố định:

Đặc điểm của TSCĐ trong doanh nghiệp là tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất sản phẩm với vai trò là các công cụ lao động. Trong quá trình đó hình thái vật chất và đặc tính sử dụng ban đầu của TSCĐ là không thay đổi. Song giá trị của nó lại được chuyển dịch từng phần vào giá trị sản phẩm sản xuất ra. Bộ phận giá trị chuyển dịch này cấu thành một yếu tố chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được bồi đắp mỗi khi sản phẩm được tiêu thụ.

1.1.2. Vai trò, yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán tài sản cố định:

TSCĐ là cơ sở vật chất kỹ thuật, là yếu tố chủ yếu thể hiện năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nói cách khác TSCĐ là “hệ thống xương” và “bắp thịt” của quá trình kinh doanh. Vì vậy trang thiết bị hợp lý, bảo quản và sử dụng tốt TSCĐ có ý nghĩa quyết định đến việc tăng năng suất lao động, tăng chất lượng kinh doanh, tăng thu nhập và lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, TSCĐ có vai trò hết sức lớn lao và bất kỳ hoạt động kinh doanh nào muốn diễn ra đều phải có TSCĐ. Như trên đã nói TSCĐ là một hệ thống rất quan trọng với mỗi doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh. Thật vậy bất kỳ một doanh nghiệp nào muốn tiến hành kinh doanh đều phải có TSCĐ, có thể là TSCĐ của doanh nghiệp, hoặc là TSCĐ đi thuê ngoài. Việc sử dụng TSCĐ hợp lý có một ý nghĩa hết sức quan trọng. Nó cho phép khai thác tối đa năng lực làm việc của TSCĐ góp phần làm giảm chi phí tăng lợi nhuận cho DN. Mặt khác sử dụng TSCĐ hợp lý là 1 điều kiện đảm bảo giữ gìn hàng hóa sản phẩm an toàn và cũng chính là điều kiện bảo quản TSCĐ.

Nhiệm vụ của kế toán:

- Ghi chép, phản ánh đầy đủ chính xác kịp thời số hiện có, tình hình tăng giảm TSCĐ của doanh nghiệp trên các mặt: số lượng, chất lượng, giá trị.

- Tính toán chính xác kịp thời số khấu hao TSCĐ, phân bổ đúng số khấu hao TSCĐ cho các đối tượng sử dụng.
- Phản ánh kiểm tra chặt chẽ các khoản chi phí sử dụng lớn TSCĐ, thời gian lập dự toán sửa chữa lớn TSCĐ.
- Theo dõi ghi chép kiểm tra tình hình thanh lý nhượng bán TSCĐ.
- Lập báo cáo TSCĐ, phân tích tình hình trạng bị sử dụng TSCĐ.

1.1.3. Phân loại và đánh giá tài sản cố định:

1.1.3.1. Phân loại tài sản cố định:

Phân loại TSCĐ là việc phân chia toàn bộ TSCĐ của doanh nghiệp theo những tiêu thức nhất định nhằm phục vụ yêu cầu quản lý của DN. Thông thường có những cách phân loại chủ yếu sau đây:

1.1.3.1.1. Phân loại tài sản cố định theo hình thái biểu hiện:

Theo phương pháp này TSCĐ của DN được chia thành 2 loại:

- TSCĐ có hình thái vật chất (TSCĐ hữu hình- TK211).
- TSCĐ không có hình thái vật chất (TSCĐ vô hình- TK213).

TSCĐ hữu hình là những tư liệu lao động chủ yếu được biểu hiện bằng các hình thái cụ thể như: nhà xưởng, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, các vật kiến trúc... Những TSCĐ này có thể là từng đơn vị tài sản có kết cấu độc lập hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản liên kết với nhau để thực hiện một hay một số chức năng nhất định trong quá trình sản xuất kinh doanh.

TSCĐ vô hình: là những TSCĐ không có hình thái vật chất cụ thể, thể hiện một lượng giá trị đã được đầu tư có liên quan trực tiếp đến nhiều chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp như chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí về đất sử dụng, chi phí mua sắm bằng sáng chế, phát minh hay nhãn hiệu thương mại, giá trị lợi thế thương mại...

Cách phân loại này giúp cho DN thấy được cơ cấu đầu tư vào TSCĐ hữu hình và vô hình. Từ đó lựa chọn các quyết định đầu tư sao cho phù hợp và có hiệu quả nhất.

1.1.3.1.2. Phân loại tài sản cố định theo mục đích sử dụng:

Theo tiêu thức này toàn bộ TSCĐ của DN được chia thành 3 loại:

- TSCĐ dùng cho mục đích kinh doanh: là những TSCĐ dùng trong hoạt động sản xuất kinh doanh cơ bản và hoạt động sản xuất kinh doanh phụ của DN.

- TSCĐ dùng cho mục đích phúc lợi, sự nghiệp, an ninh, quốc phòng: đó là những TSCĐ do DN quản lý và sử dụng cho các hoạt động phúc lợi, sự nghiệp như các công trình phúc lợi. Các TSCĐ sử dụng cho hoạt động đảm bảo an ninh quốc phòng của doanh nghiệp.

- TSCĐ bảo quản hộ, giữ hộ, cất giữ hộ nhà nước: đó là những TSCĐ DN bảo quản hộ cho các đơn vị khác hoặc cho nhà nước theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Cách phân loại này giúp cho DN thấy được cơ cấu TSCĐ của mình theo mục đích sử dụng của nó. Từ đó có biện pháp quản lý TSCĐ theo mục đích sử dụng sao cho có hiệu quả nhất.

1.1.3.1.3. Phân loại tài sản cố định theo công dụng kinh tế:

Căn cứ vào công dụng kinh tế của TSCĐ, toàn bộ TSCĐ của doanh nghiệp có thể chia thành các loại sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc(TK 2111): là những TSCĐ của DN được hình thành sau quá trình thi công xây dựng như nhà xưởng, trụ sở làm việc nhà kho, tháp nước, hàng rào, sân bay, đường xá, cầu cảng...

- Máy móc thiết bị(TK 2112): là toàn bộ các loại máy móc thiết bị dùng trong hoạt động sản xuất kinh doanh(SXKD) của DN như máy móc thiết bị động lực, máy móc công tác, thiết bị chuyên dùng...

- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn(TK 2113): là các loại phương tiện vận tải như phương tiện đường sắt, đường thủy, đường bộ, đường không, hệ thống thông tin, đường ống dẫn nước...

- Thiết bị dụng cụ quản lý(TK 2114): là những thiết bị, dụng cụ dùng trong công tác quản lý hoạt động SXKD như máy vi tính, thiết bị điện tử, thiết bị khác, dụng cụ đo lường máy hút bụi, hút ẩm...

- Vườn cây lâu năm, súc vật làm việc hoặc cho sản phẩm(TK 2115): là các loại vườn cây lâu năm như vườn chè, vườn cà phê, vườn cây cao su, vườn cây ăn quả, súc vật làm việc hoặc cho sản phẩm như đàn voi, đàn bò, đàn ngựa...

- Các loại TSCĐ khác(TK 2118): là toàn bộ các loại TSCĐ khác chưa liệt kê vào 5 loại trên như tác phẩm nghệ thuật, tranh thảm...

Cách phân loại này cho thấy công dụng cụ thể của từng loại TSCĐ trong DN, tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý sử dụng TSCĐ và tính toán khấu hao TSCĐ chính xác.

1.1.3.1.4. Phân loại tài sản cố định theo tình hình sử dụng:

Căn cứ vào tình hình sử dụng TSCĐ người ta chia TSCĐ của doanh nghiệp thành các loại:

- TSCĐ đang sử dụng: đó là những TSCĐ của DN đang sử dụng cho các hoạt động SXKD hoặc các hoạt động phúc lợi, sự nghiệp an ninh, quốc phòng của DN.

- TSCĐ chưa cần dùng: là những TSCĐ cần thiết cho hoạt động SXKD hay các hoạt động khác của DN, song hiện tại chưa cần dùng, đang được dự trữ để sử dụng sau này.

- TSCĐ không cần dùng chờ thanh lý: là những TSCĐ không cần thiết hay không phù hợp với nhiệm vụ SXKD của DN, cần được thanh lý, nhượng bán để thu hồi vốn đầu tư đã bỏ ra ban đầu.

Cách phân loại này cho thấy mức độ sử dụng có hiệu quả các TSCĐ của DN như thế nào, từ đó, có biện pháp nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng chúng.

1.1.3.1.5. Phân loại tài sản cố định căn cứ vào quyền sở hữu được chia thành 3 loại:

- TSCĐ tự có: là những TSCĐ được mua sắm, đầu tư bằng nguồn vốn tự có(ngân sách cấp, coi như ngân sách cấp và trích quỹ đầu tư phát triển của DN) để phục vụ cho mục đích SXKD của DN.

- TSCĐ thuê tài chính: là những TSCĐ DN thuê của công ty cho thuê tài chính.

- TSCĐ thuê sử dụng: là những TSCĐ DN thuê của DN khác để sử dụng trong một thời gian có tính chất thời vụ để phục vụ nhiệm vụ SXKD của DN.

Mỗi cách phân loại trên đây cho phép đánh giá, xem xét kết cấu TSCĐ của DN theo các tiêu thức khác nhau. Kết cấu TSCĐ là tỷ trọng giữa nguyên giá của một loại TSCĐ nào đó so với tổng nguyên giá các loại TSCĐ của DN tại một thời điểm nhất định.

1.1.3.2. Đánh giá tài sản cố định:

1.1.3.2.1. Nguyên tắc đánh giá:

TSCĐ được đánh giá theo các chỉ tiêu sau:

- Nguyên giá TSCĐ (NG) còn được gọi là giá trị ghi sổ ban đầu là toàn bộ các chi phí mà DN bỏ ra để được TSCĐ tính đến thời điểm đưa TSCĐ đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Giá trị hao mòn lũy kế (Gh) là giá trị thực tế số đã khấu hao (từ khi bắt đầu khấu hao đến thời điểm tính toán).

- Giá trị còn lại của TSCĐ (Gc) là giá trị thực tế của TSCĐ tại thời điểm tính lại. Ta có CT: $Gc = NG - Gh$

1.1.3.2.2. Phương pháp đánh giá:

- TSCĐ mua ngoài:

$$NG = \begin{matrix} \text{Giá mua ghi} \\ \text{trên hóa đơn} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Chi phí thu} \\ \text{mua PS} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Thuế không} \\ \text{được hoàn} \\ \text{lại} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Chiết khấu thương} \\ \text{mại, giảm giá} \\ \text{hàng bán} \end{matrix}$$

Trong đó:

+ Các loại thuế không được hoàn lại: Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế nhập khẩu.

+ Các loại chi phí thu mua: chi phí vận chuyển, chi phí sửa chữa, chi phí lắp đặt...

- TSCĐ xây dựng theo phương thức giao thầu: bao gồm giá quyết toán công trình duyệt, chi phí liên quan trực tiếp khác, lệ phí trước bạ nếu có.

- TSCĐ mua theo phương thức trả chậm: NG là giá mua trả ngay tại thời điểm mua. Phần trả thêm do trả chậm, hạch toán vào chi phí theo kỳ.

- TSCĐ tự xây dựng, tự chế tạo:

$NG = \text{Giá thực tế công trình} + \text{chi phí trước khi sử dụng.}$

- Sử dụng sản phẩm (sp) của mình làm TSCĐ:

$NG = \text{Chi phí sx ra sp đó} + \text{chi phí trước khi sử dụng.}$

Chú ý: Trong các trường hợp TSCĐ tự chế, tự xây dựng là sp của DN thì mọi khoản chi phí không hợp lý, lãi nội bộ không được tính vào nguyên giá.

- TSCĐ hình thành qua việc trao đổi:

+ Trao đổi TSCĐ tương tự là TSCĐ có cùng công dụng trong cùng lĩnh vực SXKD và có giá trị tương đương nhau.

+ Trao đổi TSCĐ khác không tương tự, NG TSCĐ nhận về được xác định theo giá hợp lý của TSCĐ đó hoặc giá hợp lý của TSCĐ đem trao đổi sau khi điều chỉnh khoản tiền trả thêm hoặc thu về.

- TSCĐ được biếu tặng, nhận vốn góp:

$$NG = \frac{\text{Giá trị do hội đồng giao nhận đánh giá}}{\text{nhận đánh giá}} + \frac{\text{Chi phí liên quan trực tiếp khác}}{\text{khác}}$$

- TSCĐ vô hình mua riêng biệt, mua trả chậm: NG xác định tương tự TSCĐ hữu hình.

- TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn: NG là giá trị quyền sử dụng đất khi được giao đất hoặc số tiền phải trả khi được ghi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác.

- TSCĐ vô hình được ngân sách cấp, được biếu tặng:

$NG = \text{Giá trị hợp lý ban đầu} + \text{chi phí liên quan trực tiếp khác.}$

- Toàn bộ chi phí thực tế phát sinh liên quan đến giai đoạn triển khai được tính vào chi phí SXKD trong kỳ. Từ thời điểm xét thấy kết quả triển khai thỏa mãn được định nghĩa và tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ thì chi phí triển khai được tập hợp vào TK 241 khi kết thúc giai đoạn triển khai thì toàn bộ chi phí được hạch toán vào NG TSCĐ vô hình.

Các chi phí sau ghi nhận ban đầu được tính vào chi phí SXKD trong kỳ trừ khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau thì ghi tăng NG TSCĐ:

+ Chi phí phát sinh có khả năng làm cho TSCĐ tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn lúc ban đầu.

+ Chi phí được đánh giá 1 cách chắc chắn gắn liền với TSCĐ cụ thể.

Chú ý: Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí SXKD trừ các trường hợp ghi tăng NG TSCĐ sau: thay bộ phận của TSCĐ, làm tăng thời gian sử dụng hữu ích hoặc tăng công suất sử dụng của TSCĐ, cải tiến bộ phận của TSCĐ làm tăng đáng kể chất lượng sp, áp dụng quy trình công nghệ mới làm giảm chi phí hoạt động tài sản đó so với trước.

TSCĐ không có giá trị thì xác định theo giá tương đương. Nguyên giá TSCĐ chỉ thay đổi khi: đánh giá lại TSCĐ, nâng cấp TSCĐ, tháo dỡ một số bộ phận của TSCĐ.

1.1.4. Khấu hao tài sản cố định:

1.1.4.1. Khái niệm về khấu hao tài sản cố định:

- Hao mòn TSCĐ: là sự giảm dần giá trị, giá trị sử dụng của TSCĐ trong quá trình sử dụng. Có 2 loại hao mòn: hao mòn hữu hình, hao mòn vô hình.

- Khấu hao TSCĐ: Sự phân bổ một cách có hệ thống giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐ đó. Là việc tính toán xác định giá trị của TSCĐ bị hao mòn vào chi phí SXKD trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐ đó. Mục đích của việc trích khấu hao nhằm thu hồi vốn đầu tư để có điều kiện mua sắm, tái tạo TSCĐ mới.

- Hao mòn là hiện tượng khách quan không phụ thuộc vào con người. Khấu hao là biện pháp chủ quan của con người.

1.1.4.2. Những quy định khi tính khấu hao tài sản cố định:

- Xác định thời gian sử dụng TSCĐ: Căn cứ vào quyết định số 206/2003/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

TSCĐ vô hình thời gian sử dụng tối đa không quá 20 năm. Trường hợp DN muốn xác định thời gian sử dụng của TSCĐ khác với thời gian đã quy định ở quy định 206 thì phải giải trình rõ để Bộ tài chính xem xét, quyết định.

- Việc tính khấu hao hay thôi tính khấu hao: bắt đầu từ ngày TSCĐ tăng hoặc ngừng tham gia vào hoạt động SXKD.

- Phạm vi tính khấu hao: Mọi TSCĐ tham gia vào hoạt động SXKD đều phải tính khấu hao. Những TSCĐ không phải tính khấu hao bao gồm: TSCĐ được phép dự trữ đặc biệt của nhà nước, TSCĐ phúc lợi, TSCĐ nhận giữ hộ, TSCĐ phục vụ cho nhu cầu chung của xã hội (đê điều, cầu cống...), TSCĐ đã khấu hao hết, TSCĐ chưa khấu hao hết đã thanh lý, TSCĐ dùng cho an ninh quốc phòng...

1.1.4.3. Các phương pháp trích khấu hao cơ bản:

1.1.4.3.1. Tính khấu hao từng tài sản cố định, từng loại tài sản cố định:

Bao gồm 3 phương pháp cơ bản sau:

* Phương pháp khấu hao theo đường thẳng (Phương pháp khấu hao bình quân). Phương pháp này được áp dụng cho mọi TSCĐ.

Công thức:

$$\text{Mức trích khấu hao năm} = \frac{NG}{\text{Số năm sử dụng}} = NG \times \text{Tỷ lệ KH đều}$$

$$\text{Mức trích KH tháng} = \frac{\text{Mức trích KH năm}}{12}$$

- Nếu thay đổi NG TSCĐ phải tính lại mức khấu hao (đánh giá lại; sửa chữa lớn, đầu tư nâng cấp TSCĐ).

- Mức khấu hao ở năm cuối cùng:

$$\text{Mức khấu hao năm cuối} = NG - Gh$$

* Phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh (phương pháp khấu hao nhanh). Phương pháp này được áp dụng đối với TSCĐ thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- Tài sản đầu tư mới (chưa qua sử dụng).
- Loại máy móc thiết bị, dụng cụ làm việc đo lường, thí nghiệm.

Công thức:

$$\text{Mức khấu hao nhanh} = Gc \times \text{Tỷ lệ khấu hao nhanh.}$$

$$\text{Tỷ lệ khấu hao nhanh} = \text{Tỷ lệ khấu hao đường thẳng} \times \text{hệ số điều chỉnh}$$

- Quy định hệ số điều chỉnh(Hđc):

Thời gian sử dụng	Hệ số điều chỉnh
Dưới 4 năm	1,5
Từ 4 năm đến 6 năm	2
Trên 6 năm	2,5

- Chú ý: Những năm cuối khi mức khấu hao theo số dư giảm dần thấp hơn mức khấu hao tính theo phương pháp bình quân giữa giá trị còn lại và thời gian sử dụng còn lại thì kể từ năm đó mức khấu hao được tính bằng giá trị còn lại chia cho thời gian sử dụng còn lại.

$$\text{Mức KH còn lại} = \frac{\text{Giá trị còn lại}}{\text{Thời gian sử dụng còn lại}}$$

* Phương pháp khấu hao theo sản lượng:

Phương pháp này được áp dụng đối với TSCĐ là máy móc thiết bị thỏa mãn đồng thời 3 điều kiện sau:

- Trực tiếp liên quan đến việc sản xuất sản phẩm.

- Xác định được tổng sản lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của TSCĐ.
- Công suất sử dụng thực tế bình quân tháng trong năm tài chính không thấp hơn 50% công suất thiết kế.

Công thức:

$$\text{Mức KH tháng} = \text{Sản lượng SX trong tháng} \times \frac{\text{Mức trích KH bình quân 1 đơn vị sản phẩm}}{\text{phẩm}}$$

Trong đó:

$$\text{Mức trích KH bình quân 1 đơn vị sản phẩm} = \frac{NG}{\text{Sản lượng theo công suất thiết kế}}$$

1.1.4.3.2. Tính khấu hao toàn bộ tài sản cố định trong kỳ:

$$M_n = M_{n-1} + M_t - M_g$$

Trong đó: M_n là mức trích khấu hao (KH) của tháng này.

M_{n-1} là mức trích khấu hao của tháng trước.

M_t là mức khấu hao tăng trong tháng này.

M_g là mức khấu hao giảm trong tháng này.

$$\frac{\text{Mức trích KH TSCĐ tăng, giảm trong tháng}}{\text{trong tháng}} = \frac{NG}{\text{Số năm sd} \times 12} \times \frac{\text{Số ngày tăng hoặc thôi tính KH}}{\text{Số ngày trong tháng}}$$

1.2. Tổ chức hạch toán kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.

1.2.1. Hạch toán chi tiết tài sản cố định trong doanh nghiệp.

1.2.1.1. Chứng từ và tài khoản kế toán sử dụng:

* Chứng từ:

- Chứng từ mua TSCĐ: hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu chi, giấy báo ngân hàng.

- Biên bản giao nhận TSCĐ: được lập cho từng TSCĐ. Trường hợp giao nhận một lúc nhiều TSCĐ cùng loại, cùng giá trị do cùng một đơn vị giao có thể lập chung một biên bản giao nhận.

- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ.

- Các chứng từ kế toán liên quan khác...

* Tài khoản:

- TK 211, TK 212, TK213.

- TK liên quan khác: TK 214...

1.2.1.2 Tổ chức kế toán chi tiết tài sản cố định:

- Thẻ TSCĐ: mở cho từng TSCĐ. Do kế toán TSCĐ lập, kế toán trưởng ký, xác nhận được lưu ở phòng kế toán.

Căn cứ để ghi thẻ TSCĐ: biên bản giao nhận TSCĐ, biên bản đánh giá TSCĐ, biên bản đánh giá lại TSCĐ, bảng phân bổ khấu hao TSCĐ, các tài liệu liên quan khác...

- Sổ tài sản cố định: Sổ TSCĐ chung toàn DN, sổ TSCĐ cho từng đơn vị bộ phận sử dụng, căn cứ ghi sổ là thẻ TSCĐ.

1.2.2. Hạch toán kế toán tổng hợp tài sản cố định tại doanh nghiệp.

1.2.2.1. Hạch toán tổng hợp tình hình tăng tài sản cố định tại doanh nghiệp:

* Kế toán mua TSCĐ trong nước:

1) Mua về sử dụng ngay:

Nợ TK 211, 213 : Giá mua chưa thuế.

Nợ TK 133 : Thuế GTGT được khấu trừ.

Có TK 111, 112, 331...: Tổng giá thanh toán.

2) Các chi phí thu mua phát sinh, các khoản thuế không hoàn lại được tính vào nguyên giá:

Nợ TK 211, 213: Chi phí thu mua, thuế không hoàn lại

Nợ TK 133

Có TK 111, 112, 331

3) Mua TSCĐ phải trả qua một thời gian dài lắp đặt, chạy thử:

a) Nợ TK 241: Giá mua bao gồm chi phí thu mua (nếu có)

Nợ TK 133

Có TK 111, 112, 331...

b) Khi lắp đặt hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng:

Nợ TK 211, 213

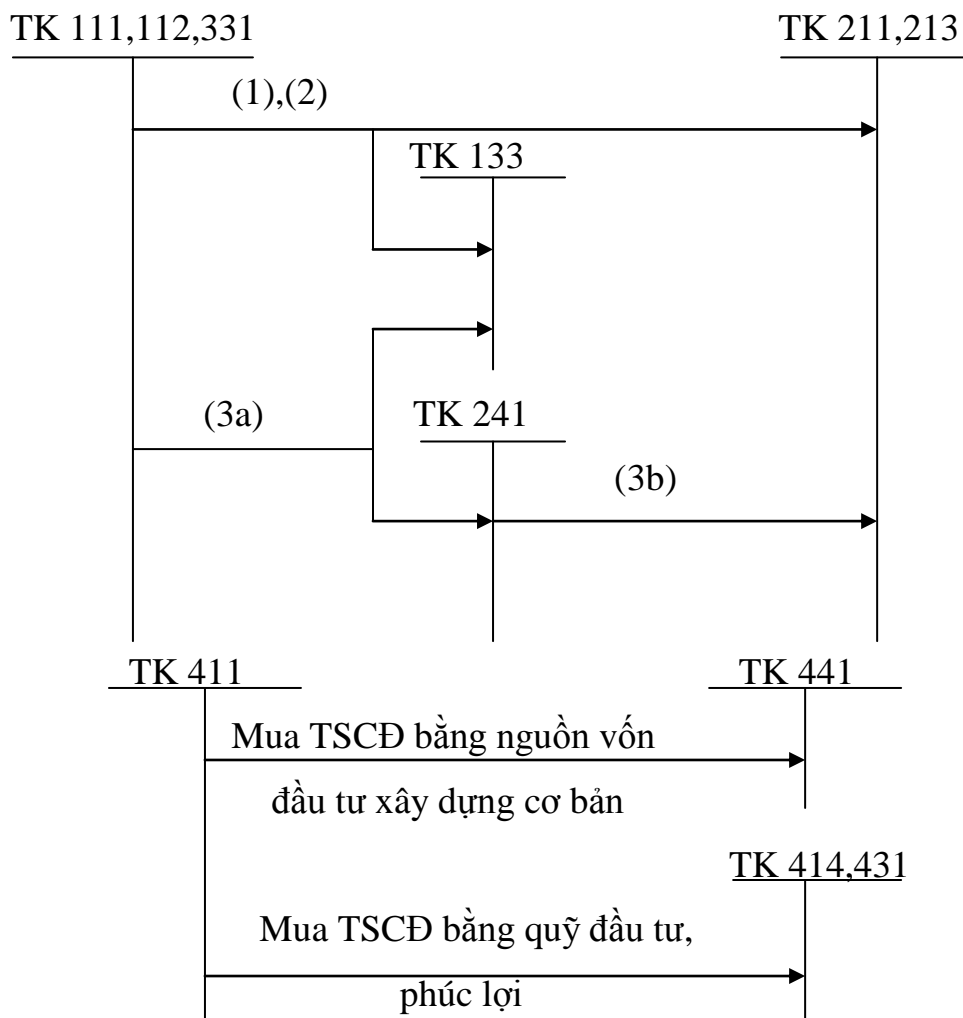
Có TK 241

4) Chuyển nguồn: Nếu TSCĐ đầu tư bằng các quỹ chuyên dùng(quỹ đầu tư phát triển...) để phục vụ cho SXKD thì phải chuyển nguồn:

Nợ TK 414, 431, 441

Có TK 411

Sơ đồ 1.1. TSCĐ mua trong nước



* TSCĐ nhập khẩu:

1) Căn cứ hóa đơn và thuế nhập khẩu:

Nợ TK 211, 213

Có TK 111, 112, 331 : Giá nhập khẩu.

Có TK 3333 : Thuế nhập khẩu.

2) Thuế GTGT của hàng nhập khẩu:

Nợ TK 1332

Có TK 3331, 3332

Trong đó:

Thuế nhập khẩu = giá nhập khẩu x thuế suất thuế nhập khẩu.

$$\text{Thuế GTGT hàng nhập khẩu} = (\text{Giá nhập khẩu} + \text{thuế nhập khẩu}) \times \text{Thuế suất thuế GTGT hàng nhập khẩu}$$

3) Chi phí phát sinh trước khi sử dụng và chuyển nguồn: tương tự TSCĐ mua trong nước.

* Kế toán TSCĐ mua trả chậm, trả góp.

1) Ghi tăng TSCĐ:

Nợ TK 211 : Giá mua chưa thuế tại thời điểm mua.

Nợ TK 133 : Thuế GTGT đầu vào.

Nợ TK 242 : Lãi trả chậm.

Có TK 111, 112 : Số tiền trả ngay.

Có TK 331 : Số tiền trả chậm.

2) Phân bổ lãi trả chậm:

Nợ TK 635

Có TK 242

* Tài sản cố định được biếu tặng.

1) Nhận TSCĐ:

Nợ TK 211, 213

Có TK 711

2) Chi phí phát sinh trước khi sử dụng:

Nợ TK 211, 213

Nợ TK 133

Có TK 111, 112, 331

3) Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp

Nợ TK 821

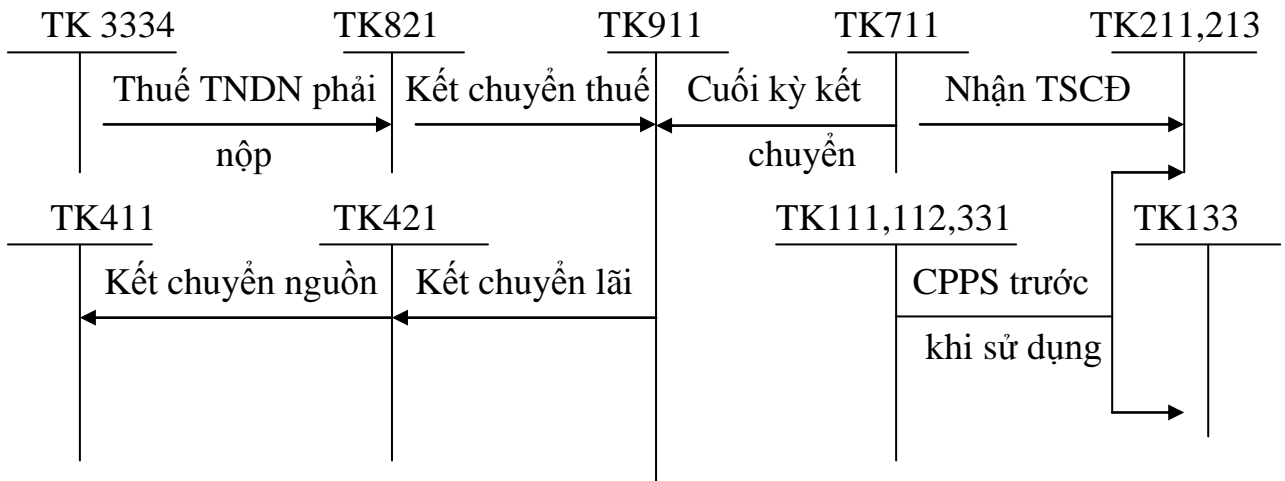
Có TK 3334

4) Chuyển nguồn

Nợ TK 421

Có TK 411

Sơ đồ 1.2. Kế toán TSCĐ được biếu tặng



* TSCĐ mua dưới hình thức trao đổi.

- Trường hợp trao đổi ngang giá:

Nợ TK 211 : Giá trị còn lại.

Nợ TK 214 : Giá trị hao mòn.

Có TK 211 : Nguyên giá

- Trường hợp trao đổi không ngang giá:

1) Ghi giảm TSCĐ

Nợ TK 214 : Giá trị hao mòn lũy kế.

Nợ TK 811 : Giá trị còn lại.

Có TK 211 : Nguyên giá.

2) Thu nhập

Nợ TK 111, 112, 131...: Số tiền phải thu.

Có TK 711 : Giá trao đổi.

Có TK 3331 : Thuế GTGT phải nộp.

3) Nhận TSCĐ về:

Nợ TK 211 : Giá nhận về.

Nợ TK 133

Có TK 111, 112, 131... Số tiền phải trả.

4) Chênh lệch số tiền phải thu, phải trả.

- Số tiền nhận về: khi số tiền phải thu lớn hơn số tiền phải trả.

Nợ TK 111, 112

Có TK 131

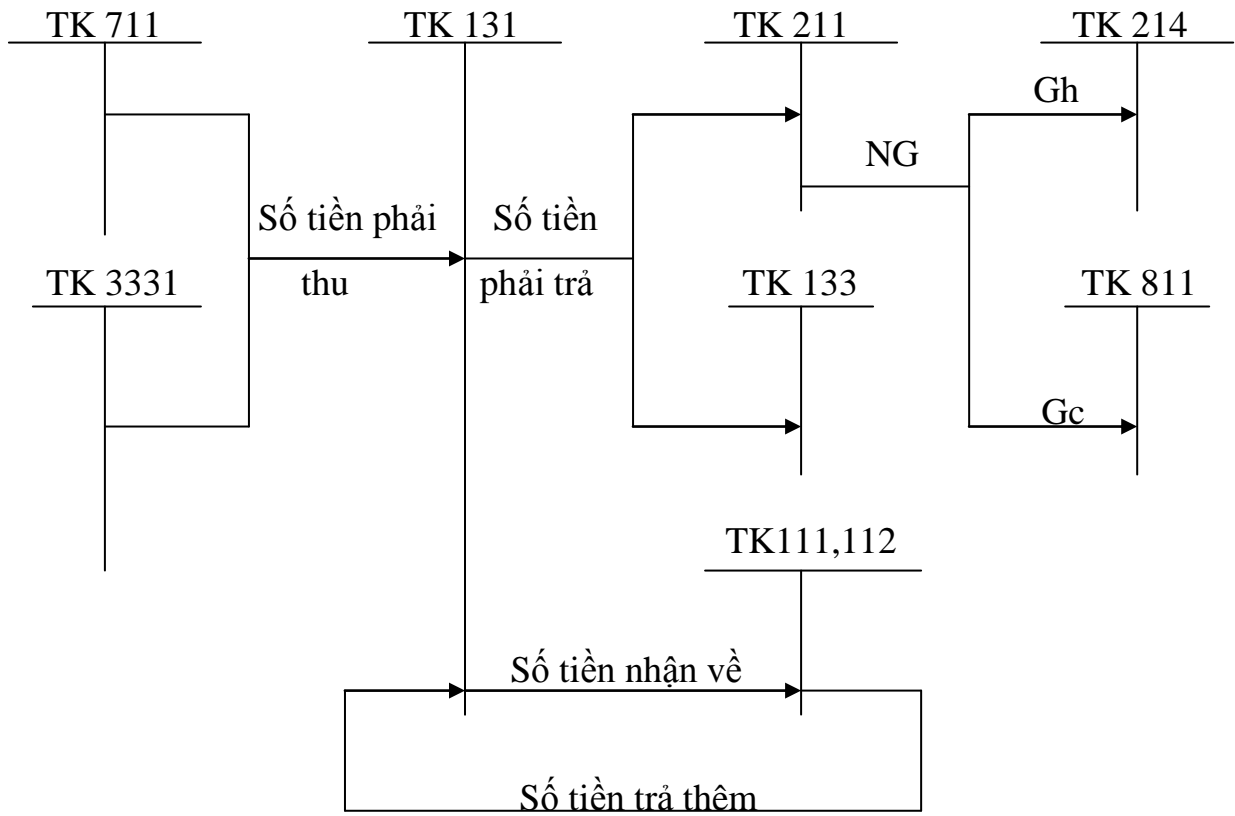
- Số tiền phải trả thêm: khi số tiền phải thu nhỏ hơn số tiền phải trả.

Nợ TK 131

Có TK 111, 112

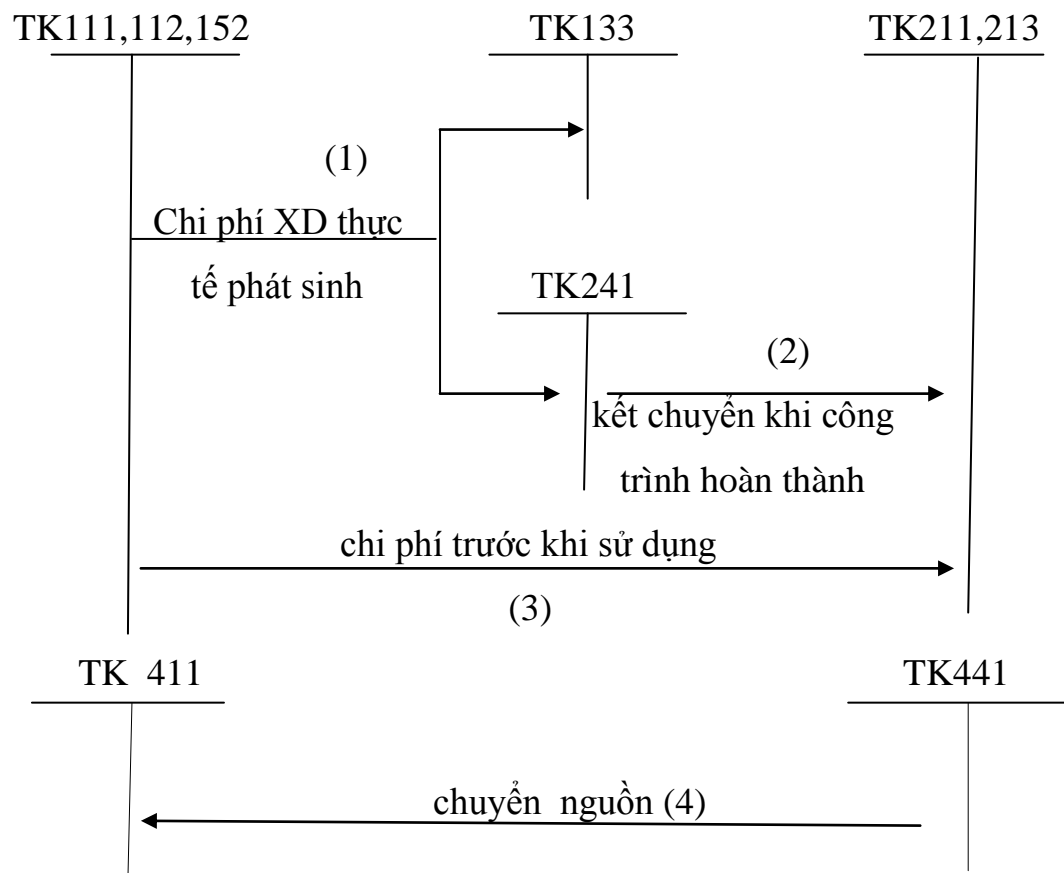
4) Chí phí trước khi sử dụng và chuyển nguồn: như kế toán mua TSCĐ trong nước.

Sơ đồ 1.3. Kế toán TSCĐ mua dưới hình thức trao đổi



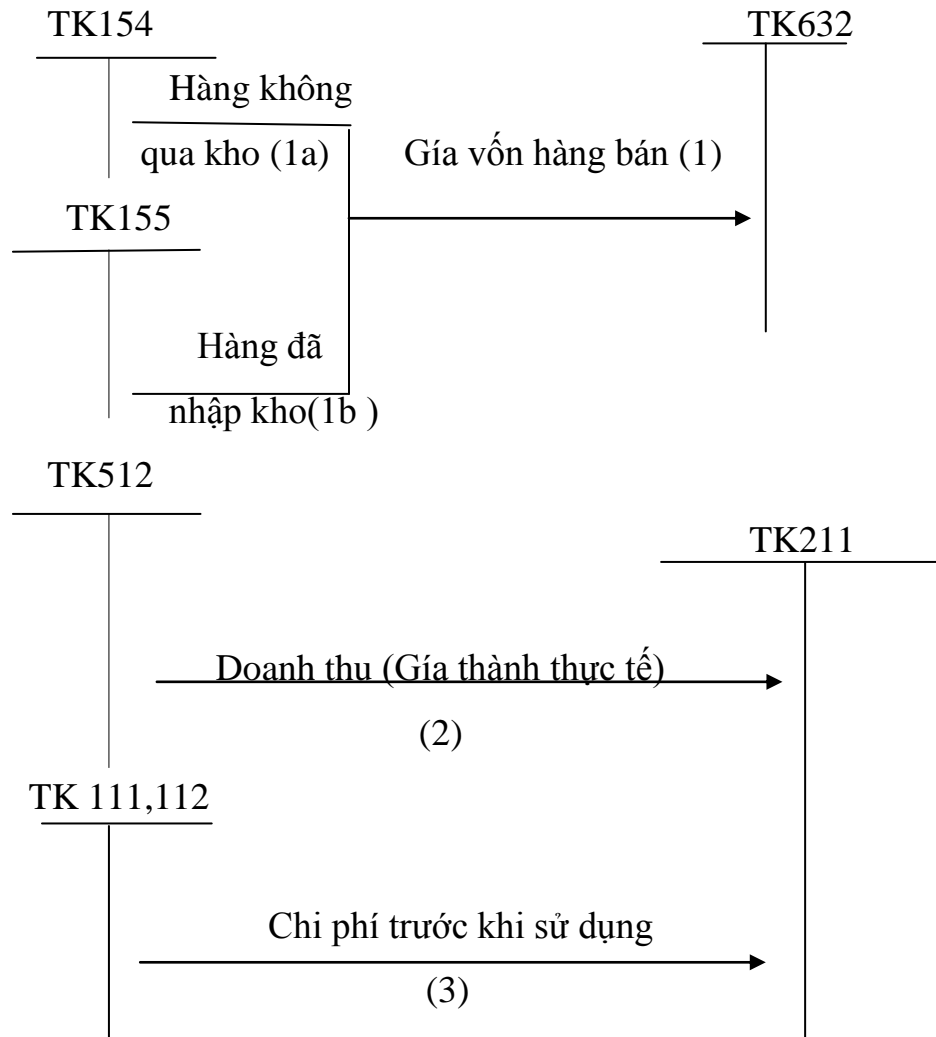
* Kế toán tăng TSCĐ do tự xây dựng:

Sơ đồ 1.4. Kế toán tăng TSCĐ do tự xây dựng



* Kế toán tăng TSCĐ là sản phẩm của doanh nghiệp:

Sơ đồ 1.5. Kế toán tăng TSCĐ là sản phẩm của doanh nghiệp



* Nhận TSCĐ do vốn góp kinh doanh hoặc do cấp trên điều chỉnh chuyển đến:

Nợ TK 211 : NG

Có TK 411 : Giá thỏa thuận.

Có TK 111, 112 : Chi phí trước khi sử dụng.

* TSCĐ thừa phát hiện khi kiểm kê

Nợ TK 211

Có TK 3381

* Lưu ý: Kế toán tăng TSCĐ:

- Căn cứ vào chứng từ tăng TSCĐ.

- Căn cứ vào nguồn hình thành TSCĐ.

- Chi phí trước khi sử dụng: chi phí phát sinh trong thời gian ngắn hạch toán vào thẳng NG TSCĐ, chi phí phát sinh trong thời gian dài toàn bộ chi phí sửa chữa phát sinh vào TK 241, sau khi công việc hoàn thành quyết toán được duyệt kết chuyển sang TK 211, TK 213.

1.2.2.2. Hạch toán tổng hợp tình hình giảm tài sản cố định tại doanh nghiệp:

* Kế toán nhượng bán TSCĐ:

- TSCĐ nhượng bán là những TSCĐ mà doanh nghiệp không cần dùng, không phù hợp với việc sử dụng của doanh nghiệp nữa.

- Phải thành lập hội đồng nhượng bán.

- Bán TSCĐ là hoạt động khác nên thu nhập hạch toán vào TK 711, chi phí hạch toán vào TK 811.

1) Ghi giảm TSCĐ:

Nợ TK 214: Gh.

Nợ TK 811: Gc.

Có TK 211, 213: NG.

2) Chi phí nhượng bán:

Nợ TK 811.

Nợ TK 133.

Có TK 111, 112...

3) Thu nhập nhượng bán (tiền bán TSCĐ).

Nợ TK 111, 112 : Tổng giá thanh toán.

Có TK 711.

Có TK 3331.

4) Cuối kỳ xác định kết quả:

- Kết chuyển thu nhập:

Nợ TK 711.

Có TK 911.

- Kết chuyển chi phí:

Nợ TK 911.

Có TK 811.

- Kết chuyển kết quả:

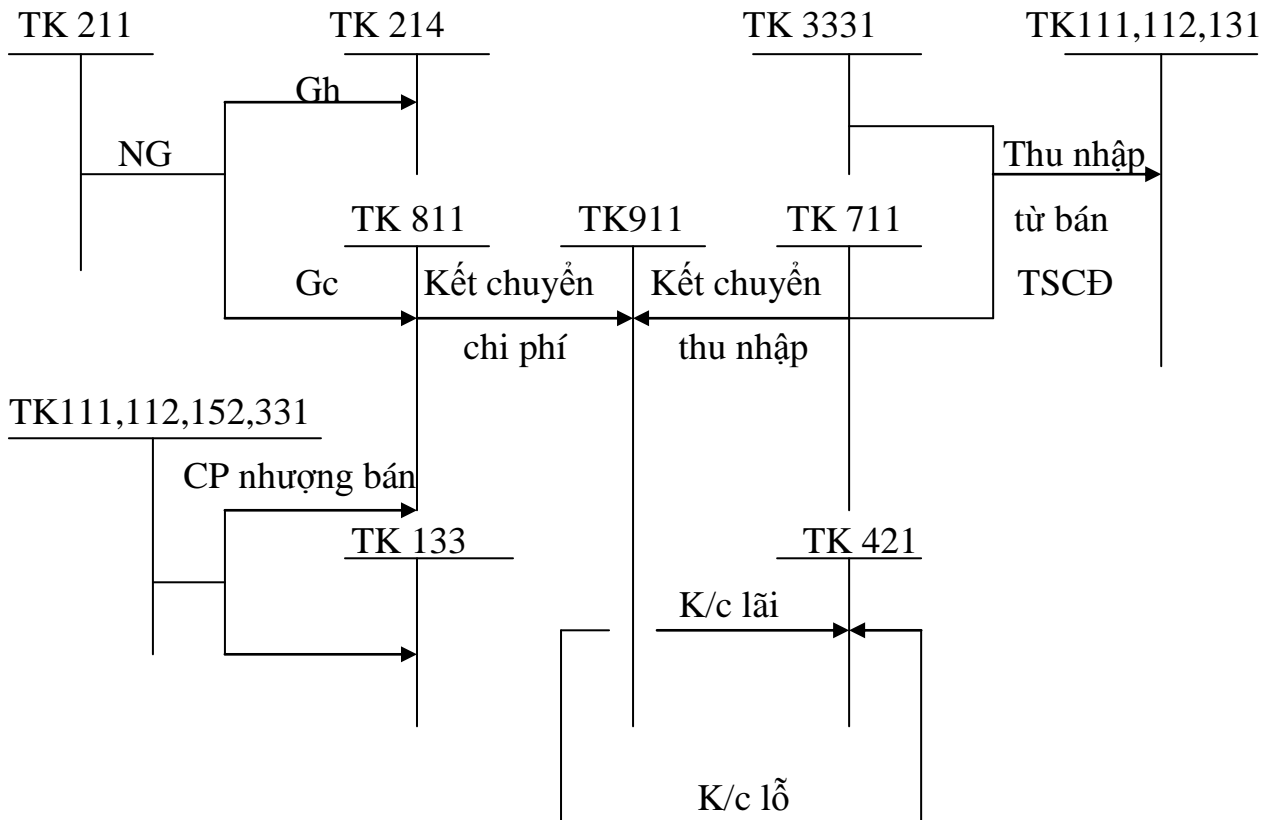
Lãi: Nợ TK 911.

Có TK 421.

Lỗ: Nợ TK 421.

Có TK 911.

Sơ đồ 1.6. Kế toán nhượng bán TSCĐ



*** Kế toán thanh lý TSCĐ:**

- Nội dung: TSCĐ đã khấu hao hết không sử dụng được nữa, TSCĐ hỏng đột ngột không sử dụng được nữa. Thanh lý TSCĐ là hoạt động khác nên thu nhập hạch toán vào TK 711, chi phí hạch toán vào TK 811. Khi thanh lý: phải lập hội đồng thanh lý.

- Kế toán thanh lý TSCĐ: tương tự kế toán nhượng bán TSCĐ.

*** Kế toán TSCĐ giảm do chuyển thành công cụ dụng cụ:**

1) TSCĐ còn mới chưa trích khấu hao:

Nợ TK 153: NG.

Có TK 211: NG.

2) TSCĐ đã trích khấu hao:

Nợ TK 214 : Gh.

Nợ TK 153 : Gc.

Có TK 211 : NG.

*** Giảm TSCĐ do chuyển cho đơn vị trực thuộc:**

Nợ TK 136 : Gc.

Nợ TK 214 : Gh.

Có TK 211 : NG.

*** TSCĐ thiếu phát hiện khi kiểm kê:**

Nợ TK 1381

Nợ TK 214

Có TK 211

*** Thuê tài chính TSCĐ:**

Khi nội dung của hợp đồng thuê tài sản thể hiện việc bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản thuê cho bên đi thuê.

Một hợp đồng thuê TSCĐ có điều kiện sau được coi là thuê tài chính:

- Bên cho thuê chuyển giao quyền sở hữu tài sản cho bên thuê khi hết thời hạn thuê.

- Thời hạn thuê tài sản tối thiểu phải chiếm phần lớn thời gian sử dụng của TS cho dù không có sự chuyển giao quyền sở hữu.

- Tại thời điểm khởi đầu thuê TS, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu chiếm phần lớn hoặc gần bằng giá trị hợp lý của TS thuê.

Về kế toán TSCĐ thuê tài chính: đối với bên đi thuê ghi tăng NG vào TK212, khi tính KH ghi vào TK 2412.

1) Nhận TSCĐ thuê tài chính:

Nợ TK 212	Giá thuê chưa có thuế VAT
Có TK 342	

2) Định kỳ xác định số nợ phải trả (nợ gốc):

Nợ TK 342

 Có TK 315

3) Định kỳ nhận hóa đơn thuê tài chính:

a) Thanh toán ngay:

Nợ TK 315: Gốc

Nợ TK 635: Lãi

Nợ TK 133: Thuế VAT

 Có TK 111,112

b) Thanh toán sau:

- Số tiền phải trả:

Nợ TK 635

Nợ TK 133

 Có TK 315

- Khi thanh toán:

Nợ TK 315

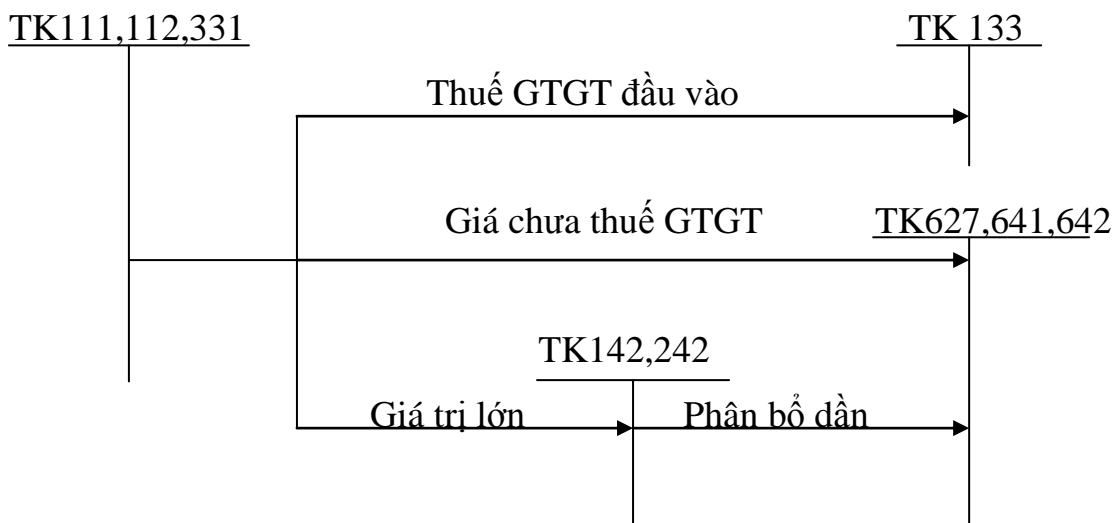
 Có TK 111,112

* Thuê hoạt động TSCĐ:

Hợp đồng thuê tài sản không thỏa mãn thuê tài chính thì được gọi là thuê hoạt động. Hạch toán TSCĐ thuê hoạt động:

- Bên đi thuê hạch toán tiền thuê vào chi phí tương ứng với bộ phận sử dụng, không được trích khấu hao(vì không phải là thuê tài chính).
- Bên cho thuê định kỳ hạch toán tiền thuê vào TK5113(Doanh thu cung cấp dịch vụ) đồng thời phải trích khấu hao TSCĐ cho thuê hoạt động.

Sơ đồ 1.7. Kế toán đi thuê hoạt động TSCĐ



1.2.2.3. Hạch toán khấu hao tài sản cố định tại doanh nghiệp:

- Tài khoản kế toán sử dụng: TK 214, TK liên quan: TK627, TK641, TK642...

- Định khoản một số nghiệp vụ chủ yếu:

1) Trích khấu hao TSCĐ trong kỳ:

Nợ TK 627, 642, 641

Có TK 214

2) Thanh lý TSCĐ:

Nợ TK 214 : Gh

Nợ TK 811 : Gc

Có TK 211 : NG

3) Khi mang TSCĐ đi góp vốn liên doanh:

TH1: Định giá giảm.

Nợ TK 214 : hao mòn lũy kế.

Nợ TK 222 : Giá trị vốn góp liên doanh được công nhận.

Nợ TK 811 : Chênh lệch giảm do đánh giá lại.

Có TK 211 : NG.

TH2: Đánh giá tăng.

Nợ TK 214

Nợ TK222

Có TK 211

Có TK 711 : Chênh lệch tăng do đánh giá lại.

4) Đối với tài sản phức lợi thì khi trích khấu hao:

Nợ TK 4313

Có TK 214

5) Đối với tài sản hành chính sự nghiệp:

Nợ TK 466 : Nguồn vốn kinh phí đã hình thành TSCĐ.

Có TK 214

- Cuối mỗi tháng kế toán phải lập bảng phân bổ khấu hao tài sản cố định.

1.2.2.4. Kế toán sửa chữa tài sản cố định:

1.2.2.4.1. Khái niệm:

Trong quá trình sử dụng, TSCĐ bị hao mòn và hư hỏng cần phải sửa chữa, thay thế để khôi phục năng lực hoạt động. Công việc sửa chữa có thể do doanh nghiệp tự làm hoặc thuê ngoài và được tiến hành theo kế hoạch hay ngoài kế hoạch. Tùy theo quy mô, tính chất của công việc sửa chữa, kế toán sẽ phản ánh vào tài khoản thích hợp.

1.2.2.4.2. Hình thức sửa chữa:

- Sửa chữa thường xuyên (sửa chữa nhỏ): chi phí sửa chữa nhỏ, thời gian sửa chữa ngắn, xảy ra thường xuyên. Chi phí sửa chữa nhỏ hạch toán thẳng vào bộ phận sử dụng TSCĐ.

- Sửa chữa lớn: thời gian sửa chữa kéo dài ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh, chi phí sửa chữa lớn tập trung vào một thời kỳ nhất định do đó doanh nghiệp phải lập kế hoạch, dự toán cho từng TSCĐ.

Kế toán phải điều hòa chi phí sửa chữa lớn TSCĐ bằng cách trích trước chi phí sửa chữa lớn vào đối tượng sử dụng (TK335)

1.2.2.4.3. Phương thức sửa chữa:

- Doanh nghiệp tự sửa chữa.
- Doanh nghiệp vừa sửa chữa vừa thuê ngoài sửa chữa.
- Doanh nghiệp thuê ngoài sửa chữa.

1.2.2.4.4. Kế toán sửa chữa tài sản cố định:

* Kế toán sửa chữa thường xuyên TSCĐ:

1) Tự sửa chữa:

Nợ TK 627, 641, 642...

Nợ TK 133 (nếu có)

Có TK 111, 112, 334...

2) Thuê ngoài sửa chữa:

a) Số tiền phải thanh toán theo hợp đồng:

Nợ TK 627, 641, 641.

Nợ TK 133.

Có TK 331.

b) Khi thanh toán:

Nợ TK 331.

Có TK 111, 112.

*Kế toán sửa chữa lớn TSCĐ:

- Sửa chữa có kế hoạch(trích trước chi phí vào đối tượng sử dụng):

Thực hiện sửa chữa theo kế hoạch, kế toán sử dụng hai tài khoản chủ yếu là: TK 241(xây dựng cơ bản dở dang) và TK 335(Chi phí phải trả).

1) Trích trước chi phí sửa chữa lớn:

Nợ TK 641, 642, 627

Có TK 335

2) Chi phí sửa chữa lớn thực tế phát sinh:

Nợ TK 241

Có TK 111, 112, 334, 331

3) Kết chuyển chi phí sửa chữa lớn khi quyết toán được duyệt:

TH1: Nợ TK 335	chi phí trích trước = chi phí thực tế PS
Có TK 241	

TH2: Nợ TK335	trích thiếu (trích thêm)
Nợ TK 641,642,627	
Có TK 241	

TH3: Nợ TK335	trích thừa (ghi giảm chi phí)
Có TK 641,642,627	
Có TK241	

Chú ý: khi trích thiếu thì trích thêm, trường hợp trích thừa thì hạch toán vào thu nhập hoặc ghi giảm chi phí.

* Kế toán sửa chữa TSCĐ bất thường ngoài kế hoạch:

Đối với sửa chữa ngoài kế hoạch kế toán sử dụng TK 142, 242 để phân bổ dần vào nhiều kỳ.

Phát sinh chi phí:

+ Nếu thuê ngoài sửa chữa

Nợ TK 241.

Có TK 331.

+ Nếu tự sửa chữa:

Nợ TK 241

Có TK 111, 112, 334.

+ Sửa chữa hoàn thành bàn giao:

Chi phí sửa chữa nhỏ:

Nợ TK 627, 641, 642

Có TK 241

Chi phí sửa chữa lớn:

Nợ TK 142, 242

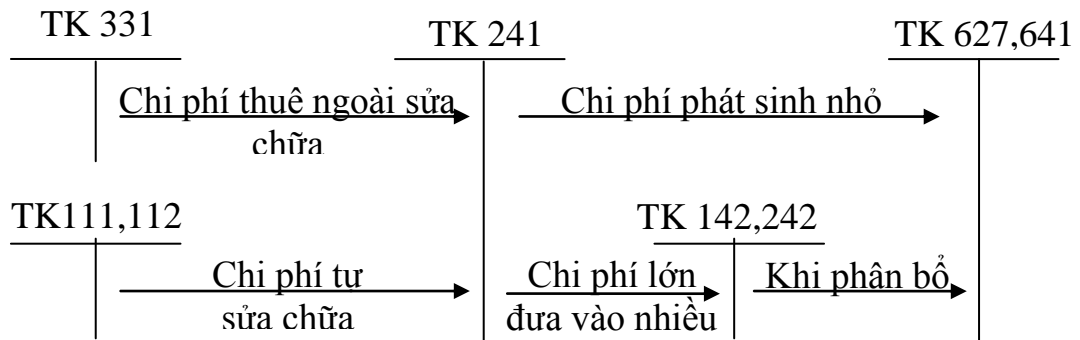
Có TK 241

+ Hàng kỳ phân bổ ghi:

Nợ TK 627, 641, 642

Có TK 142, 242

Ta có sơ đồ kế toán như sau:



Chương 2: Thực trạng công tác tổ chức kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Anh Linh

2.1 Khái quát chung về công ty Cổ Phần Anh Linh.

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty Cổ Phần Anh Linh:

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ANH LINH

Tên giao dịch tiếng Anh: ANH LINH JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: AL.JSC

Địa chỉ trụ sở chính: Số 5 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 031.3555003

Vốn điều lệ: 1.600.000.000 VND

Công ty được thành lập để kinh doanh nhằm đạt hiệu quả cao, tạo công ăn việc làm cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước theo luật định. Vào ngày 14 tháng 2 năm 2006 công ty được thành lập với tên Công ty Cổ phần Anh Linh theo giấy đăng ký kinh doanh số 0203002053.

Trong những năm đầu công ty đã gặp không ít những khó khăn nhưng toàn bộ lãnh đạo và công nhân viên của công ty đã cố gắng không ngừng để từng bước đưa công ty lớn mạnh và tạo được uy tín với khách hàng cũng như các đối tác kinh doanh.

2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty:

Theo giấy phép Đăng ký kinh doanh số 0203002053, công ty được phép kinh doanh những ngành nghề sau:

- Môi giới thương mại.
- Đại lý hàng hải, kê khai hải quan, dịch vụ hàng hải.
- Vận tải và dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách.
- Kinh doanh vật tư tổng hợp, nguyên liệu, máy móc, thiết bị phụ tùng máy thủy, máy công trình.
- Thương mại và dịch vụ xuất nhập khẩu, giao nhận hàng hóa.

- Kinh doanh và đại lý vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội, ngoại thất.

Hiện nay lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của công ty là vận tải và dịch vụ vận tải hàng hóa hành khách, kinh doanh máy móc, thiết bị, phụ tùng máy thủy.

2.1.3. Thuận lợi, khó khăn và những thành tích công ty đạt được.

2.1.3.1. Thuận lợi:

Hải Phòng là một thành phố công nghiệp và du lịch có hệ thống cảng biển lớn nhất miền Bắc nên nhu cầu về vận tải hàng hóa, hành khách là rất lớn do đó đây là một trong những thuận lợi lớn nhất của công ty.

Hơn nữa công ty còn có đội ngũ lái xe có kinh nghiệm, có trình độ chuyên môn tốt, đội ngũ nhân viên trẻ, năng động, các vị trí chủ chốt đều có trình độ đại học do vậy cũng là một thuận lợi đáng kể của công ty.

2.1.3.2. Khó khăn:

Bên cạnh những thuận lợi kể trên thì công ty cũng gặp không ít những khó khăn trong quá trình hoạt động. Hiện nay trên địa bàn thành phố Hải Phòng có rất nhiều công ty, đơn vị kinh doanh những ngành nghề giống với công ty điều đó đòi hỏi công ty phải ngày càng đầu tư nâng cao chất lượng để tăng tính cạnh tranh.

Như chúng ta đã biết thế giới vừa trải qua một cuộc khủng hoảng kinh tế lớn dẫn đến việc giá cả leo thang điều đó ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của công ty. Giá xăng dầu tăng cao cũng là nguyên nhân gây ảnh hưởng đến chi phí của công ty.

2.1.3.3. Những thành tích đạt được trong những năm gần đây:

Đứng trước rất nhiều khó khăn và thách thức trong những năm qua, công ty đã không ngừng cố gắng vươn lên và đạt được một số thành tích sau:

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Chênh lệch			
				Năm 2008-2007		Năm 2009-2008	
				Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
DT bán hàng & cung cấp DV	2,929,919,822	4,150,502,600	4,656,800,600	1,220,582,778	41.66	506,298,000	12.2
LN trước thuế	507,030,350	653,880,688	751,322,906	146,850,338	28.96	97,442,218	14.9

(Nguồn trích từ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh các năm 2007, 2008, 2009)

Nhìn vào kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong 3 năm gần đây ta thấy rằng công ty đã có những cố gắng nhất định để đưa doanh thu tăng lên trong bối cảnh nước ta đang chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Cụ thể:

+ Doanh thu bán hàng năm 2008 so với năm 2007 tăng 1,220,582,778đ tương ứng với tỷ lệ tăng 41.66%, lợi nhuận trước thuế tăng 146,850,338đ tương ứng với tỷ lệ tăng 28.96%.

+ Doanh thu bán hàng năm 2009 so với năm 2008 tăng 506,298,000đ tương ứng với tỷ lệ tăng 12.2%, lợi nhuận trước thuế tăng 97,442,218đ tương ứng với tỷ lệ tăng 14.9%.

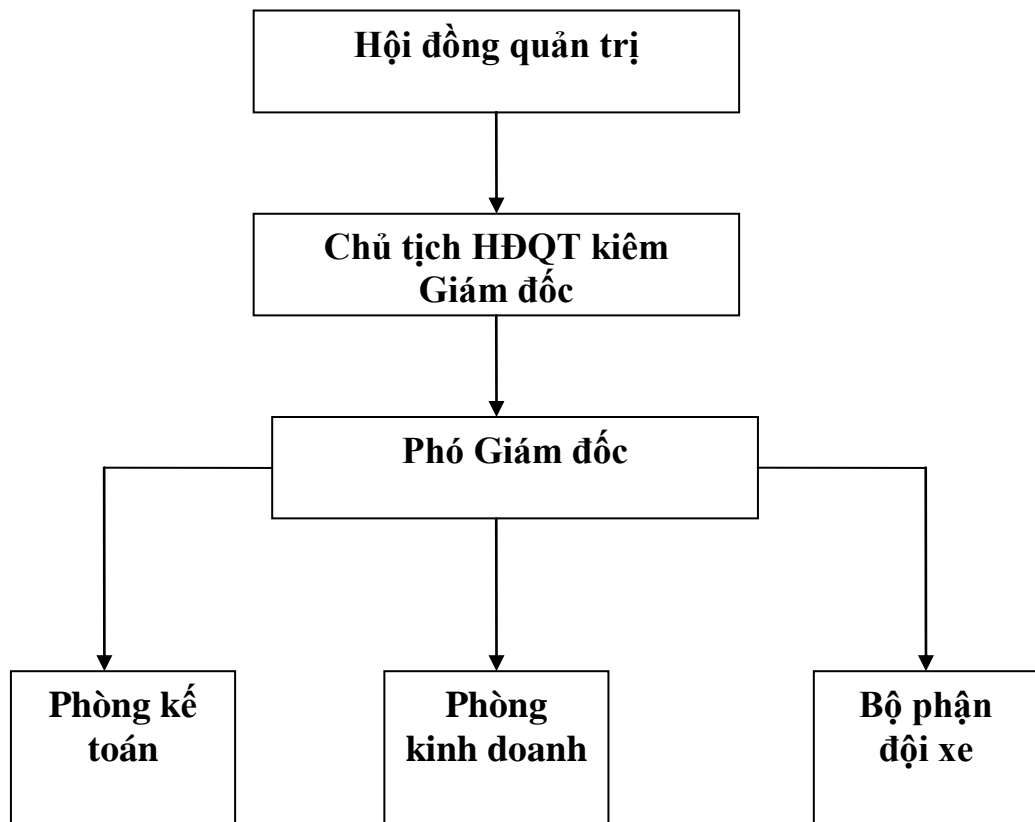
Công ty đang cố gắng phát triển vững mạnh để ngày càng tạo uy tín với các khách hàng, đối tác cũng như tăng sức cạnh tranh đối với các công ty khác kinh doanh trong cùng lĩnh vực.

2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty Cổ Phần Anh Linh:

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức quản lý trực tuyến - chức năng, có nghĩa giám đốc trực tiếp xem xét quản lý tất cả các phòng ban công ty, bên cạnh đó thông qua phó giám đốc để giám sát tình hình hoạt động của công ty.

Cụ thể mô hình tổ chức của công ty như sau:

Cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành của công ty CP Anh Linh



*** Chức năng các vị trí, phòng ban trong công ty:**

- Giám đốc công ty:

+ Giám đốc là người đại diện pháp nhân của công ty trong mọi giao dịch có trách nhiệm và quyền hạn tổ chức quản lý điều hành chung, hoạch định và tổ chức thực hiện mọi hoạt động kinh doanh, đời sống công nhân viên trong công ty theo điều lệ của Công ty CP Anh Linh và theo Luật doanh nghiệp.

- + Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- + Giám đốc nhất thiết phải là cổ đông và có thể là thành viên hội đồng quản trị.
- Phó Giám đốc:
 - + Phụ trách các lĩnh vực về quản trị hành chính, văn thư, bảo vệ.
 - + Thay mặt Giám đốc ký kết các hợp đồng kinh tế.
- Phòng kế toán:
 - + Tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán.
 - + Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán theo quy định.
- Phòng kinh doanh:
 - + Tổ chức nghiên cứu, khảo sát thị trường.
 - + Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh
 - + Dự trù mua sắm các dụng cụ, phương tiện phục vụ cho việc kinh doanh.
- + Quản lý điều hành tác nghiệp hàng ngày về tình hình kinh doanh của công ty.

- Bộ phận đội xe: Gồm các lái xe và phụ xe chịu trách nhiệm vận chuyển hàng hóa, hành khách.

2.1.5 Tổ chức công tác kế toán tại công ty Cổ Phần Anh Linh:

2.1.5.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán tại công ty cổ phần Anh Linh có quy mô nhỏ gọn gồm một kế toán và một thủ quỹ.

- Kế toán: Thực hiện các phần hành kế toán tại công ty, kiểm tra toàn bộ hoạt động kinh tế tài chính của công ty. Cuối năm lập báo cáo tài chính, lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Thủ quỹ: Có nhiệm vụ quản lý và nhập, xuất tiền mặt phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu với số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt.

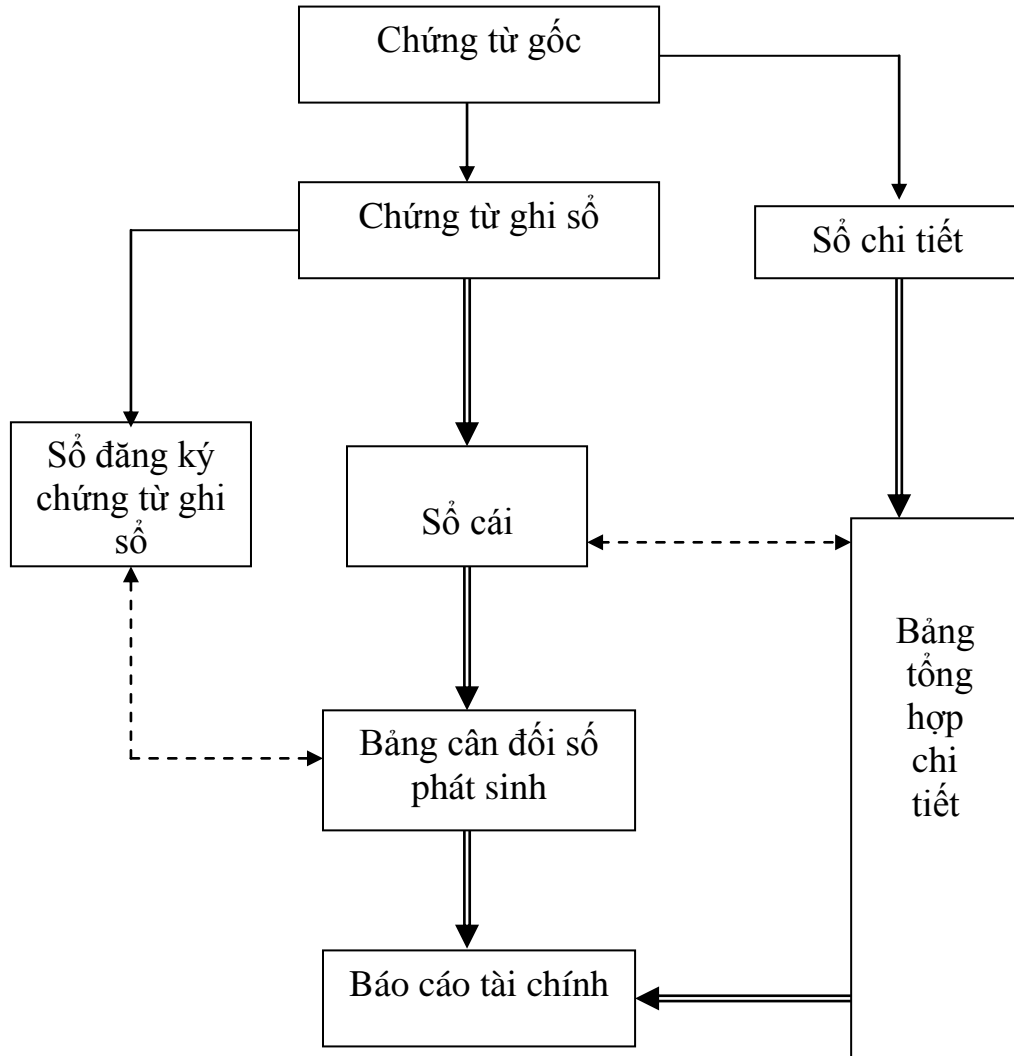
2.1.5.2. Tổ chức công tác kế toán và hình thức ghi sổ kế toán:

Bộ máy kế toán tại công ty CP Anh Linh được tổ chức theo mô hình tập trung. Công ty chỉ tổ chức một phòng kế toán ở văn phòng công ty và mọi việc kế toán đều được thực hiện tại phòng kế toán của công ty. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán của công ty áp dụng theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Và để đáp ứng được yêu cầu quản lý, tạo điều kiện cho công tác hạch toán được thuận lợi công ty đã áp dụng hình thức kế toán “ Chứng từ ghi sổ”. Theo hình thức này, hằng ngày căn cứ vào chứng từ gốc kế toán lập bảng kê chi tiết của từng tháng. Cuối tháng, căn cứ vào bảng kê chi tiết, vào chứng từ ghi sổ, sổ kế toán chi tiết có liên quan. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào sổ cái. Cuối năm căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đối chiếu, khớp đúng số liệu ghi trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ với bảng cân đối tài khoản, số liệu ghi trên bảng cân đối tài khoản với bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ sổ kế toán chi tiết), được dùng để lập báo cáo tài chính.

Sổ sách sử dụng: Sổ quỹ, chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết, sổ cái.

*Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức
chứng từ ghi sổ*



- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối kỳ
- - - - -> Đối chiếu, kiểm tra

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán Tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Anh Linh:

2.2.1. Đặc điểm Tài sản cố định tại công ty:

TSCĐ tại công ty bao gồm các phương tiện vận tải trực tiếp tham gia vào hoạt động kinh doanh của công ty và các thiết bị dùng cho văn phòng như máy photocopy, máy tính... Các TSCĐ này có thời gian sử dụng từ 5 đến 7 năm.

2.2.2. Phân loại tài sản cố định:

Căn cứ vào công dụng kinh tế của TSCĐ, toàn bộ TSCĐ của công ty chia thành các loại sau:

- Văn phòng, nhà kho: là những TSCĐ của DN được hình thành sau quá trình thi công xây dựng

- Phương tiện vận tải: bao gồm 3 xe ô tô dùng để vận chuyển hàng hoá

- Thiết bị dụng cụ quản lý: bao gồm máy điều hoà, máy photocopy, máy vi tính... tại các văn phòng của công ty.

Cách phân loại này cho thấy công dụng cụ thể của từng loại TSCĐ trong công ty, tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý sử dụng TSCĐ và tính toán khấu hao TSCĐ chính xác.

2.2.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng hạch toán tài sản cố định tại công ty:

* *Chứng từ sử dụng:*

+ Phê duyệt mua sắm xây dựng

+ Biên bản giao nhận TSCĐ, biên bản thanh lý TSCĐ

+ Bảng trích và phân bổ KH TSCĐ

+ Phiếu chi

* *Sổ sách sử dụng:*

+ Sổ chi tiết: chứng từ ghi sổ

+ Sổ tổng hợp: sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái TK 211, TK214

2.2.4. Kế toán tổng hợp tăng tài sản cố định:

Để đáp ứng yêu cầu đổi mới trang thiết bị, đưa kỹ thuật tiên tiến áp dụng cho sản xuất kinh doanh, công ty không ngừng đầu tư mua sắm trang thiết bị mới

đưa vào sử dụng. Công ty tiến hành huy động từ nhiều nguồn vốn khác nhau như vốn tự bổ sung, vay ngân hàng... mọi trường hợp tăng TSCĐ công ty đều phải làm đầy đủ các chứng từ ban đầu để lập hồ sơ lưu trữ cho từng TSCĐ. Hồ sơ lưu trữ bao gồm:

- Giấy đề nghị của các bộ phận có yêu cầu do kế toán trưởng và giám đốc công ty ký duyệt.

- Hoá đơn của bên bán, hoá đơn vận chuyển, bốc dỡ (nếu có)...

- Hợp đồng, biên bản giao nhận...

Căn cứ vào kế hoạch đầu tư (nếu có) và nhu cầu trang bị của các bộ phận đã được giám đốc công ty phê duyệt, các bộ phận làm thủ tục ký hợp đồng mua TSCĐ với nhà cung cấp (giao ước tên hàng, chất lượng, giá cả địa điểm, thời gian giao nhận...). trong quá trình mua bán, giá mua và mọi chi phí phát sinh đều được theo dõi tập hợp đầy đủ kèm theo hoá đơn chứng từ. Khi hợp đồng thanh toán hoàn thành, thanh toán tiền, kế toán căn cứ vào chứng từ gốc, đồng thời làm thủ tục tăng TSCĐ trước khi đưa vào sử dụng.

Trong tháng 5 năm 2009 tại công ty phát sinh một số nghiệp vụ liên quan đến TSCĐ như sau:

Nghiệp vụ 1: Ngày 8 tháng 5 năm 2009 công ty trang bị cho phòng kinh doanh một bộ máy vi tính trị giá 13.799.000đ, thuế GTGT 10%.

- Từ hoá đơn GTGT (Biểu 2.1), biên bản giao nhận TSCĐ (Biểu 2.2) kế toán lập phiếu chi (Biểu 2.3), thẻ TSCĐ (Biểu 2.4).

- Kế toán lập chứng từ ghi sổ (Biểu 2.5)

- Cuối tháng, tập hợp chứng từ, số liệu vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu 2.19), sổ cái TK211 (Biểu 2.20).

Biểu 2.1

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
 Liên 2: Giao khách hàng
 Ngày 8 tháng 05 năm 2009

Mẫu số: 01 GTKT – 3LL
NM/2009B
0030821

Đơn vị bán hàng: **Cửa hàng điện tử - tin học**
 Địa chỉ: **Số 15 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - HP**
 Số tài khoản: MST:
 Điện thoại:

Họ tên người mua hàng:
 Tên đơn vị: **Công ty Cổ phần Anh Linh**
 Địa chỉ: **Số 5 đường Đình Vũ-Hải An-Hải Phòng**
Hình thức thanh toán: TM **MST:0200662053**

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số l- ợng	Đơn giá	Thành tiền
	Máy tính ĐNA Pentum IV 1.7Ghz Mainboard ASUS 845,128 MBRam HDD 30Gb, FDD 1,44 Mb Màn hình Ben Q15” + Bàn phím + Con	Bộ	01		13.799.000
Cộng tiền hàng					13.799.000
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:					1.379.900
Tổng cộng tiền thanh toán					15.178.900
Số tiền ghi bằng chữ: Mười lăm triệu một trăm bảy mươi tám ngàn chín trăm đồng.					

Ng- ời mua hàng

Ng- ời bán hàng

Thủ tr- ợng đơn vị

Ký, ghi rõ họ tên

Ký, ghi rõ họ tên

Ký, đóng dấu

Biểu 2.2

Đơn vị : Công ty CP Anh Linh
 Địa chỉ: Số 5 đường Đình Vũ
 -Hải An-Hải Phòng

Mẫu số 01 –TSCĐ
 Ban hành theo QĐ số 15/2006
 Ngày 20/3/2006 của BTC

BIÊN BẢN GIAO NHẬN TSCĐ
 Ngày 08 tháng 05 năm 2009

Số : 30
 Nợ :
 Có :

I. Đại diện bên giao:

Ông Nguyễn Văn Huy

Chức vụ: Trưởng cửa hàng điện tử-tin học
 Số 15 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - HP

II. Đại diện bên nhận:

Ông Đỗ Duy Việt

Chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh

Địa điểm giao nhận TSCĐ : Văn phòng công ty CP Anh Linh .

Xác nhận việc giao nhận TSCĐ nh- sau:

STT	Tên TSCĐ	Số hiệu	Nước SX	Năm SX	Năm sử dụng	Công suất	Tính nguyên giá TSCĐ			
							Giá mua	CP vận chuyển	CP khác	Nguyên giá TSCĐ
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7
1	Bộ máy tính Pentum IV		Malay sia	2009	2009		13.799.000			13.799.000
	Cộng									13.799.000

DỤNG CỤ , PHỤ TÙNG KÈM THEO

STT	Tên , quy cách dụng cụ , phụ tùng	Đơn vị tính	Số l- ợng	Giá trị
A	B	C	1	2

Các thiết bị chất lượng mới 100% và được lắp đặt tại phòng kinh doanh của công ty Cổ phần Anh Linh.

Biên bản được lập thành 03 bản nội dung như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản, 01 bản gửi cho phòng kế toán để theo dõi tài sản.

**Giám đốc bên nhận
giao**

(kí, họ tên)
tên)

Kế toán tr- ợng bên nhận

(kí , họ tên)

Ng- ời nhận

kí, họ tên)

Ng- ời

(kí, họ

Biểu 2.3

Đơn vị: CÔNG TY CP ANH LINH
Địa chỉ: Số 5 đường Đình Vũ-Hải An-Hải Phòng

PHIẾU CHI Số: 65

Mẫu số 02-TT
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 3 năm 2006
của Bộ trưởng Bộ tài chính

Ngày 08 tháng 05 năm 2009

Nợ 211 : 13.799.000
Nợ 133 : 1.379.900
Có 111 : 15.178.900

Họ tên người lĩnh tiền: Nguyễn Văn Huy
Địa chỉ : Cửa hàng tin học số 15 Hoàng Văn Thụ - HB - HP
Lý do chi: Thanh toán tiền mua máy tính
Số tiền: 15.178.900đ (Viết bằng chữ) *Mười lăm triệu một trăm bảy mươi tám ngàn chín trăm đồng.*
Kèm theo: 02 Chứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền _____

Ngày 08 tháng 05 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nộp tiền Thủ quỹ

Biểu 2.4

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Ngày 08 tháng 05 năm 2009

Số :13

Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ số 30 ngày 08 tháng 05 năm 2009.

- Tên , ký hiệu , mã TSCĐ : Bộ máy tính Pentum IV
- Nước sản xuất: Malaysia
- Bộ phận quản lý sử dụng : Phòng kinh doanh
- Ngày đ- a vào sử dụng : 08/05/2009
- Ngày khấu hao: 01/06/2009 :
- Đình chỉ sử dụng Ngày ThángNăm
- Lý do đình chỉ :

Số hiệu chứng từ	Nguyên giá TSCĐ			Giá trị hao mòn		
	Ngày tháng năm	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
	08/05/2009	Bộ máy tính Pentum IV	13.799.000	2009		

DỤNG CỤ , PHỤ TÙNG KÈM THEO

STT	Tên , quy cách dụng cụ , phụ tùng	Đơn vị tính	Số l- ượng	Giá trị
A	B	C	1	2

Ghi giảm TSCĐ chứng từ ngàythángnăm

Lý do giảm :

Kế toán

Người lập

Biểu 2.5

Đơn vị: CÔNG TY CP ANH LINH

Địa chỉ: Số 5 đường Đình Vũ-Hải An-Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 92

Ngày 08 tháng 05 năm 2009

Đơn vị tính: đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Mua máy tính	211	111	13.799.000	
Thuế GTGT được khấu trừ	133	111	1.379.900	
Cộng			15.178.900	

Kèm theo: 03 chứng từ gốc

Người lập
(Chữ ký, họ tên)

Lập, ngày 08 tháng 05 năm 2009

Kế toán trưởng
(Chữ ký, họ tên)

Nghiệp vụ 2: Ngày 15 tháng 5 năm 2009 Công ty mua một máy photocopy nguyên giá 15.000.000đ , thuế GTGT 10%.

- Căn cứ vào hoá đơn GTGT (Biểu 2.6), lập biên bản bàn giao TSCĐ (Biểu 2.7)

- Kế toán lập phiếu chi (Biểu 2.8), lập thẻ TSCĐ (Biểu 2.9), vào chứng từ ghi sổ (Biểu 2.10)

- Cuối tháng, tập hợp chứng từ, số liệu vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu 2.19) , sổ cái TK211 (Biểu 2.20).

Biểu 2.6

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
 Liên 2: Giao khách hàng
 Ngày 15 tháng 05 năm 2009

Mẫu số: 01 GTKT – 3LL
NM/2009B
0035461

Đơn vị bán hàng: Công ty CP Thương mại **Chính Nghĩa**

Địa chỉ: **Phường Đông Hải-Hải An-Hải Phòng**

Số tài khoản: MST: 0200582309

Điện thoại:

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Anh Linh

Địa chỉ: Số 5 đường Đình Vũ-Hải An-Hải Phòng

Hình thức thanh toán: **TM**

MST:0200662053

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số l- ợng	Đơn giá	Thành tiền
	Máy photocopy Toshiba	Cái	01	15.000.000	15.000.000
Cộng tiền hàng					15.000.000
Thuế suất GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT:			1.500.000
Tổng cộng tiền thanh toán					16.500.000
Số tiền ghi bằng chữ: Mười sáu triệu năm trăm ngàn đồng chẵn.					

Ng- ời mua hàng

Ng- ời bán hàng

Thủ tr- ợng đơn vị

Ký, ghi rõ họ tên

Ký, ghi rõ họ tên

Ký, đóng dấu

Biểu 2.7

Đơn vị : Công ty CP Anh Linh

Địa chỉ: Số 5 đường Đình Vũ

-Hải An-Hải Phòng

Mẫu số 01 –TSCĐ

Ban hành theo QĐ số 15/2006

Ngày 20/3/2006 của BTC

BIÊN BẢN GIAO NHẬN TSCĐ

Ngày 15 tháng 05 năm 2009

Số : 30

Nợ :

Có :

I. Đại diện bên giao:

Ông Ngô Duy Hưng

Chức vụ: Nhân viên Công ty CPTM Chính

Nghĩa

II. Đại diện bên nhận:

Ông Đỗ Duy Việt

Chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh

Địa điểm giao nhận TSCĐ : Văn phòng công ty CP Anh Linh .

Xác nhận việc giao nhận TSCĐ nh- sau:

ST T	Tên TSCĐ	Số hiệu	Nước SX	Năm SX	Năm sử dụng	Công suất	Tính nguyên giá TSCĐ			
							Giá mua	CP vận chuyển	CP khác	Nguyên giá TSCĐ
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7
1	Máy photo Toshiba		Nhật Bản	2009	2009		15.000.000			15.000.000
	Cộng						15.000.000			15.000.000

DỤNG CỤ , PHỤ TÙNG KÈM THEO

STT	Tên , quy cách dụng cụ , phụ tùng	Đơn vị tính	Số l- ợng	Giá trị
A	B	C	1	2

Máy được lắp đặt tại phòng kinh doanh công ty CP Anh Linh. Biên bản được làm thành 03 bản nội dung như nhau, mỗi bên giữ 01 bản, 01 bản gửi cho phòng kế toán để theo dõi tài sản.

**Giám đốc bên nhận
giao**
(kí, họ tên)
tên)

Kế toán tr- ợng bên nhận
(kí , họ tên)

Ng- ời nhận
kí, họ tên)

Ng- ời
(kí, họ

Biểu 2.8

Đơn vị: CÔNG TY CP ANH LINH
Địa chỉ: Số 5 đường Đình Vũ-Hải An-Hải Phòng

PHIẾU CHI Số: 69

Mẫu số 02-TT
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 3 năm 2006
của Bộ trưởng Bộ tài chính

Ngày 15 tháng 05 năm 2009

Nợ 642 : 15.000.000
Nợ 133 : 1.500.000
Có 111 : 16.500.000

Họ tên người lĩnh tiền: Ngô Duy Hưng
Địa chỉ : Công ty CP thương mại Chính Nghĩa
Lý do chi: Thanh toán tiền mua máy photocopy
Số tiền: 16.500.000đ (Viết bằng chữ) *Mười sáu triệu năm trăm ngàn đồng chẵn*
Kèm theo: 02 Chứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền_____

Ngày 15 tháng 05 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nộp tiền Thủ quỹ

Biểu 2.9

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Ngày 15 tháng 05 năm 2009

Số : 14

Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ số 30 ngày 18 tháng 05 năm 2009.

- Tên , ký hiệu , mã TSCĐ : Máy điều hoà
- Bộ phận quản lý sử dụng : Phòng kinh doanh
- Ngày đ- a vào sử dụng: 16/05/2009
- Ngày khấu hao: 01/06/2009
- Đình chỉ sử dụng Ngày Tháng Năm
- Lý do đình chỉ :

Số hiệu chứng từ	Nguyên giá TSCĐ			Giá trị hao mòn		
	Ngày tháng năm	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng đồn
	18/05/2009	Máy photocopy	15.000.000	2009		

DỤNG CỤ , PHỤ TÙNG KÈM THEO

STT	Tên , quy cách dụng cụ , phụ tùng	Đơn vị tính	Số l- ợng	Giá trị
A	B	C	1	2

Ghi giảm TSCĐ chứng từ ngàythángnăm

Lý do giảm :

Kế toán

Người lập

Biểu 2.10

Đơn vị: CÔNG TY CP ANH LINH

Địa chỉ: Số 5 đường Đình Vũ-Hải An-Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 98

Ngày 15 tháng 05 năm 2009

Đơn vị tính: đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Mua máy photocopy	642	111	15.000.000	
Thuế GTGT được khấu trừ	133	111	1.500.000	
Cộng			16.500.000	

Kèm theo: 03 chứng từ gốc

Người lập
(Chữ ký, họ tên)

Lập, ngày 15 tháng 05 năm 2009
Kế toán trưởng
(Chữ ký, họ tên)

2.2.5. Kế toán tổng hợp giảm tài sản cố định:

TSCĐ của công ty giảm chủ yếu do thanh lý, nhượng bán. Đối với những TSCĐ giảm phải tập hợp đầy đủ chứng từ, hồ sơ TSCĐ để làm căn cứ ghi sổ kế toán. Chứng từ giảm TSCĐ gồm đơn xin thanh lý TSCĐ và biên bản thanh lý (nhượng bán) TSCĐ.

Nghiệp vụ 3: Ngày 25 tháng 5 năm 2009 công ty thanh lý 01 xe coontainer biển số 16H-4095 cho công ty TNHH vận tải Công Thành.

- Lập đơn xin thanh lý TSCĐ (Biểu 2.11) gửi cho giám đốc công ty.
- Sau khi được đồng ý cho thanh lý, lập biên bản thanh lý TSCĐ (Biểu 2.12).
- Từ hoá đơn GTGT (Biểu 2.13) kế toán lập phiếu thu (Biểu 2.14), phiếu chi (Biểu 2.15) liên quan đến việc thanh lý.
- Sau khi thanh lý kết thúc kế toán ghi huỷ thẻ TSCĐ.
- Vào chứng từ ghi sổ (Biểu 2.16, Biểu 2.17, Biểu 2.18)
- Cuối tháng, tập hợp chứng từ, số liệu vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu 2.19), sổ cái TK211 (Biểu 2.20).

Biểu 2.11

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị: CÔNG TY CP ANH LINH

Địa chỉ: Số 5 đường Đình Vũ-Hải An-Hải Phòng

Hải Phòng ngày 20 tháng 05 năm 2009

Đơn xin thanh lý tài sản cố định

Kính gửi : Ông Giám đốc công ty Cổ phần Anh Linh

Bộ phận đội xe được đầu tư xe container 16H-4095 từ năm 2006 để phục vụ nhu cầu kinh doanh của công ty. Do tại thời điểm đưa vào sử dụng, xe đã qua sử dụng một thời gian, trong thời gian sử dụng tại công ty xe đã chạy nhiều trên các tuyến đường và đã đi được khoảng 2.000.000km nên phần máy, vỏ xe xuống cấp mặc dù đã được sửa chữa nhiều lần.

Nay bộ phận đội xe đề nghị Giám đốc công ty chấp thuận thanh lý xe container 16H-4095.

Xin trân trọng cảm ơn!

Trưởng bộ phận đội xe

Biểu 2.12

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biên bản thanh lý TSCĐ

- Căn cứ vào quyết định số 15 của Giám đốc công ty cổ phần Anh Linh.

Hôm nay, ngày 25 tháng 05 năm 2009 hội đồng thanh lý tài sản gồm có:

Ông: Trần Quốc Tuấn

Chức vụ: Giám đốc công ty

Bà: Bùi Thúy Huyền

Chức vụ: Kế toán

Ông: Ngô Bá Bảo

Chức vụ: Trưởng bộ phận đội xe

Đã cùng nhau tiến hành thanh lý TSCĐ.

- Tên, ký hiệu, quy cách, cấp hàng TSCĐ: Xe container

- Số hiệu: Biển kiểm soát 16H-4095

- Nước sản xuất: Nga

- Năm sản xuất:

- Năm đưa vào sử dụng: tháng 3 năm 2006

- Nguyên giá TSCĐ: 250.000.000đ

- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý: 122.023.810,đ

- Giá trị còn lại của TSCĐ: 127.976.190đ

Tình trạng thực tế: Tỷ lệ còn lại của xe 45%.

Giá trị thu hồi 150.000.000đ.

Giám đốc

Kế toán

Trưởng bộ phận đội xe

Biểu 2.13

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
 Liên 3: Nội bộ
 Ngày 25 tháng 05 năm 2009

Mộu số: 01 GTKT – 3LL
KG/2009B
0019035

Đơn vị bán hàng: **Công ty CP Anh Linh**
 Địa chỉ: **Số 5 đường Đình Vũ-Hải An-Hải Phòng**
 MST: 0200662053
 Điện thoại:

Họ tên ng-ời mua hàng: **Công ty TNHH Vận tải Công Thành**
 Tên đơn vị:
 Địa chỉ: **Số 456 Lê Thánh Tông - HảiAn - Hải Phòng**
 Hình thức thanh toán: **MST:0200404137**

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số l-ợng	Đơn giá	Thành tiền
	Xe ô tô 16H-4095	Chiếc	01		150.000.000
Cộng tiền hàng					150.000.000
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:					15.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán					165.000.000
Số tiền ghi bằng chữ: Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng chẵn.					
Ng-ời mua hàng		Ng-ời bán hàng		Thủ tr-ởng đơn vị	

Biểu 2.14

Đơn vị: CÔNG TY CP ANH LINH
Địa chỉ: Số 5 đường Đình Vũ-Hải An-Hải Phòng

PHIẾU THU SỐ: 86

Mẫu số 01-TT
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 3 năm 2006
của Bộ trưởng Bộ tài chính

Ngày 25 tháng 05 năm 2009

Nợ 111 : 150.000.000
Có 711 : 15.000.000
Có 3331 : 165.000.000

Họ tên người nộp tiền: Nguyễn Đức Anh
Địa chỉ : Công ty TNHH vận tải Công Thành
Lý do thu: Tiền thanh lý xe container 16H-4095
Số tiền: 165.000.000đ (Viết bằng chữ) *Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng chẵn.*
Kèm theo: 01 Chứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền_____

Ngày 25 tháng 05 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nộp tiền Thủ quỹ

Biểu 2.15

Đơn vị: CÔNG TY CP ANH LINH
Địa chỉ: Số 5 đường Đình Vũ-Hải An-Hải Phòng

PHIẾU CHI SỐ: 80

Mẫu số 02-TT
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 3 năm 2006
của Bộ trưởng Bộ tài chính

Ngày 25 tháng 05 năm 2009

Nợ 811 : 2.000.000
Nợ 133 : 200.000
Có 111 : 2.200.000

Họ tên người lĩnh tiền: Ngô Bá Bảo
Địa chỉ : Công ty CP Anh Linh
Lý do chi: Chi phí liên quan đến thanh lý xe container 16H-4095
Số tiền: 2.200.000đ (Viết bằng chữ) *Hai triệu hai trăm ngàn đồng.*
Kèm theo: 01 Chứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền _____

Ngày 25 tháng 05 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nộp tiền Thủ quỹ

Biểu 2.16

Đơn vị: CÔNG TY CP ANH LINH

Địa chỉ: Số 5 đường Đình Vũ-Hải An-Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 112

Ngày 25 tháng 05 năm 2009

Đơn vị tính: đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Thanh lý xe container	111	711	150.000.000	
Thuế GTGT phải nộp	111	3331	15.000.000	
Cộng			165.000.000	

Kèm theo: ... chứng từ gốc

Người lập
(Chữ ký, họ tên)

Lập, ngày 25 tháng 05 năm 2009

Kế toán trưởng
(Chữ ký, họ tên)

Biểu 2.17

Đơn vị: CÔNG TY CP ANH LINH

Địa chỉ: Số 5 đường Đình Vũ-Hải An-Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 113

Ngày 25 tháng 05 năm 2009

Đơn vị tính: đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Chi phí thanh lý xe container	811	111	2.000.000	
Thuế GTGT khấu trừ	133	111	200.000	
Cộng			2.200.000	

Kèm theo: ... chứng từ gốc

Người lập
(Chữ ký, họ tên)

Lập, ngày 25 tháng 05 năm 2009

Kế toán trưởng
(Chữ ký, họ tên)

Biểu 2.18

Đơn vị: CÔNG TY CP ANH LINH

Địa chỉ: Số 5 đường Đình Vũ-Hải An-Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 114

Ngày 25 tháng 05 năm 2009

Đơn vị tính: đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Xoá s ố TSCĐ xe 16H4095	811	211	122.023.810	
	214	211	127.976.190	
Cộng			250.000.000	

Kèm theo: ... chứng từ gốc

Người lập
(Chữ ký, họ tên)

Lập, ngày 25 tháng 05 năm 2009

Kế toán trưởng
(Chữ ký, họ tên)

Biểu 2.19

Đơn vị: CÔNG TY CP ANH LINH

Địa chỉ: Số 5 đường Đình Vũ-An Hải-Hải Phòng

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Trích tháng 5 năm 2009

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		
...
92	08/05	Mua bộ máy tính Pentum IV	15.178.900
...
98	15/05	Mua máy photocopy	16.500.000
...
112	25/05	Thu nhập từ thanh lý ô tô 16H4095	165.000.000
113	25/05	Chi phí thanh lý	2.200.000
114	25/05	Xoá sổ TSCĐ	250.000.000
...
		Cộng số phát sinh	...

Lập, ngày 31 tháng 05 năm 2009

Người ghi sổ
(Chữ ký, họ tên)

Kế toán
(Chữ ký, họ tên)

Giám đốc
(Chữ ký, họ tên)

Biểu 2.20

Đơn vị : CÔNG TY CP ANH LINH

Địa chỉ : Số 5 đường Đình Vũ-Hải An-Hải Phòng

SỔ CÁI

Tháng 5 năm 2009

Tên tài khoản: Tài sản cố định

Số hiệu tài khoản: TK211

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ		1.999.894.600	
			Số phát sinh trong kỳ			
09/05	HĐ 030821	08/05	Mua bộ máy tính Pentum IV	111	13.799.000	
17/05	HĐ 035461	17/05	Mua máy photocopy	111	15.000.000	
25/05	HĐ 019035	25/05	Thanh lý xe 16H4095	811 214		122.023.810 127.976.190
			Cộng phát sinh trong kỳ		28.799.000	
			Dư cuối kỳ		2.028.693.600	

2009

Lập ngày 31 tháng 05 năm

Người lập
(Chữ ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Chữ ký, họ tên)

2.2.6. Kế toán khấu hao tài sản cố định:

Những TSCĐ tại công ty CP Anh Linh được tính khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng.

$$\text{Mức trích khấu hao năm} = \frac{NG}{\text{Thời gian sử dụng}} = NG \times \text{Tỷ lệ KH}$$

$$\text{Mức trích KH tháng} = \frac{\text{Mức trích KH năm}}{12}$$

$$\text{Tỷ lệ KH} = \frac{1}{\text{Thời gian sử dụng}}$$

$$\text{Mức khấu hao năm cuối} = NG - Gh$$

Ví dụ trong **Nghiệp vụ 1**, công ty mua bộ máy tính và đưa vào sử dụng từ ngày 1 tháng 6 năm 2009, thời gian tính khấu hao trong năm 2009 là 7 tháng. Mức khấu hao trong năm 2009 được tính như sau:

$$\begin{aligned} \text{Mức trích KH năm 2009} &= \frac{13.799.000}{5 \times 12} \times 7 = 1.609.883 \end{aligned}$$

Biểu 2.21

Đơn vị: Công ty CP Anh Linh

Địa chỉ: Số 5 đường Đình Vũ - Hải An - Hải Phòng

TSCĐ VÀ TRÍCH KHẤU HAO CƠ BẢN NĂM 2009

STT	Loại Tài sản		Thời gian đ- a vào tính KH	Nguyên giá tài sản	Giá trị nâng cấp mới	Tổng nguyên giá TSCĐ	Thời gian trích KH (năm)	Lũy kế trích KH đến 2008	Số n
	Tên	Ký hiệu							
1	Ô tô	16K-2708	T9/2006	260.000.000		260.000.000	7	86.666.667	3
2	Ô tô	16K-6802	T9/2006	260.000.000		260.000.000	7	86.666.667	3
3	Ô tô	16K5834	T8/2007	350.000.000		350.000.000	8	61.979.167	4
Cộng phương tiện vận tải				870.000.000		870.000.000		235.312.501	11
5	Máy tính		T6/2009	13.799.000		13.799.000	5		
6	Máy photocopy		T6/2009	15.000.000		15.000.000	5		
Cộng thiết bị, dụng cụ quản lý				28.799.000		28.799.000			
7	Văn phòng, nhà kho công ty		Năm 2006	1.200.000.000		1.200.000.000	20	180.000.000	6
Cộng tổng TSCĐ công ty				2.098.799.000		2.098.799.000		415.312.501	18

* Chú ý: Tháng 7 năm 2009 thanh lý xe 16H-4095.

Ngày 03 tháng 01 năm 2010

**Kế toán
củ phần Anh Linh**

Công ty

2.2.7. Kế toán sửa chữa tài sản cố định:

Trong quá trình hoạt động, để đảm bảo an toàn và duy trì năng lực sản xuất của TSCĐ, công ty CP Anh Linh thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa TSCĐ.

Đối với hoạt động sửa chữa TSCĐ mà chi phí phát sinh nhỏ, toàn bộ chi phí sửa chữa phát sinh được công ty tập hợp trực tiếp vào bộ phận có TSCĐ cần sửa chữa.

Nợ TK 627,641,642...		Tổng chi phí sửa chữa
Có các TK liên quan (111,112,131)		thực tế phát sinh

Hiện nay các TSCĐ tại công ty chưa phát sinh sửa chữa lớn.

Nghiệp vụ 4: Ngày 28 tháng 1 năm 2010 phòng giám đốc nhận được giấy đề nghị thanh toán của lái xe (Biểu 2.22). Sau khi giám đốc duyệt chuyển sang phòng kế toán làm phiếu chi (Biểu 2.23) và vào chứng từ ghi sổ (Biểu 2.24). Cuối tháng vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu 2.25) và số cái TK 627 (Biểu 2.26)

Biểu 2.22

**Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN TIỀN
Ngày 28 tháng 01 năm 2010

Kính gửi : Giám đốc công ty

Phòng kế toán công ty

Tên tôi là : Vũ Đình Hùng (Lái xe)

Tôi làm đơn này xin thanh toán tiền chi phí tháng 1 năm 2010:

- Chi phí làm lớp : 200.000 đ

- Chi phí sửa chữa ô tô : 300.000đ

Tôi viết đơn này xin Giám đốc và phòng kế toán thanh toán cho tôi đ- ợc thanh toán số tiền trên .

Hải Phòng , ngày 28 tháng 01 năm

2009

Giám đốc duyệt
(kí , họ tên)

Kế toán tr- ợng
(kí , họ tên)

Ng- ời đề nghị
(kí , tên)

Biểu 2.23

Đơn vị: CÔNG TY CP ANH LINH
Địa chỉ: Số 5 đường Đình Vũ-Hải An-Hải Phòng

PHIẾU CHI Số: 15

Mẫu số 01-TT
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 3 năm 2006
của Bộ trưởng Bộ tài chính

Ngày 28 tháng 01 năm 2010

Nợ 627 : 500.000
Có 111 : 500.000

Họ tên người lĩnh tiền: Vũ Đình Hùng
Địa chỉ : Công ty CP Anh Linh
Lý do chi: Chi phí sửa xe 16K-2708
Số tiền: 500.000đ (Viết bằng chữ) *Năm trăm ngàn đồng chẵn*
Kèm theo: 01 Chứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền _____

Ngày 28 tháng 01 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nộp tiền Thủ quỹ

Biểu 2.24

Đơn vị: CÔNG TY CP ANH LINH

Địa chỉ: Số 5 đường Đình Vũ-Hải An-Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 30

Ngày 28 tháng 01 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Sửa chữa xe 16K-2708	627	111	500.000	
Cộng			500.000	

Kèm theo: 02 chứng từ gốc

Người lập
(Chữ ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Chữ ký, họ tên)

Biểu 2.25

Đơn vị: CÔNG TY CP ANH LINH

Địa chỉ: Số 5 đường Đình Vũ-An Hải-Hải Phòng

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Trích tháng 1 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		
...
30	28/01	Sửa xe 16K-2708	500.000
...
		Cộng số phát sinh	...

Lập, ngày 31 tháng 01 năm 2010

Người ghi sổ
(Chữ ký, họ tên)

Kế toán
(Chữ ký, họ tên)

Giám đốc
(Chữ ký, họ tên)

Biểu 2.26

Đơn vị : CÔNG TY CP ANH LINH

Địa chỉ : Số 5 đường Đình Vũ-Hải An-Hải Phòng

SỔ CÁI

Trích tháng 1 năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung

Số hiệu tài khoản: TK 627

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
			...			
28/01	PC15	28/01	Sửa xe 16K-2708	111	500.000	
			...			
			Cộng số phát sinh trong kỳ		...	
			Số dư cuối kỳ		...	

2010

Lập ngày 31 tháng 01 năm

Người lập
(Chữ ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Chữ ký, họ tên)

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại công ty cổ phần Anh Linh

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán tài sản cố định tại công ty cổ phần Anh Linh:

Công ty cổ phần Anh Linh là một doanh nghiệp tư nhân mới được thành lập từ năm 2006. Sau hơn bốn năm kể từ ngày thành lập và đi vào hoạt động kinh doanh thương mại đến nay, Ban lãnh đạo công ty cùng toàn thể các cán bộ công nhân viên đã từng bước tháo gỡ những khó khăn, vượt qua thử thách để dần khẳng định vị thế của mình. Tuy còn phải đối mặt với những khó khăn thiếu thốn về mọi mặt nhưng với sự năng động sáng tạo của đội ngũ quản lý và sự đồng lòng của cán bộ công nhân viên, công ty đã có những cố gắng đáng ghi nhận trong việc tổ chức bộ máy quản lý nhằm đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Đó là kết quả phấn đấu bền bỉ, liên tục của toàn công ty. Kết quả đó không chỉ đơn thuần là sự tăng trưởng về mặt vật chất mà còn là sự lớn mạnh toàn diện về trình độ quản lý của đội ngũ lãnh đạo công ty. Chính nhờ sự nỗ lực và học hỏi không ngừng đó khiến cho công ty ngày một làm ăn có hiệu quả, uy tín của công ty ngày được nâng cao, hoạt động kinh doanh ngày càng mở rộng, đời sống của cán bộ công nhân viên ngày càng được cải thiện và đóng góp một phần vào ngân sách Nhà nước.

Trong quá trình kinh doanh, công ty đã thực hiện tốt những kế hoạch, nhiệm vụ đề ra trong từng chu kỳ kinh doanh cụ thể. Song, bên cạnh những yếu tố trên, tinh thần đoàn kết cũng đóng vai trò quan trọng trên bước đường tự khẳng định mình. Trong quá trình kinh doanh của mình, Ban lãnh đạo công ty luôn quan tâm và động viên cán bộ trong công ty rèn luyện về đạo đức, tinh thần cũng như kỹ năng nghiệp vụ, khuyến khích họ đoàn kết phấn đấu đi lên. Bên cạnh đó, công ty cũng bổ sung các cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn và năng lực tốt đồng thời có những chế độ khen thưởng cũng như kỷ luật

kịp thời nhằm tạo kỷ cương doanh nghiệp cũng như khuyến khích người lao động.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức một cách hợp lý và hoạt động có nề nếp, khoa học. Các cán bộ kế toán nhiệt tình yêu nghề tiếp cận kịp thời với chế độ kế toán hiện hành và vận dụng một cách linh hoạt sáng tạo trong nghiệp vụ đem lại hiệu quả cao trong công việc.

Công tác quản lý và hạch toán kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng được củng cố và hoàn thiện, thực sự trở thành công cụ đắc lực phục vụ cho quá trình quản lý sản xuất kinh doanh của công ty. Bởi chỉ có quản lý tốt thì kinh doanh mới tốt, công tác kế toán tốt thì thông tin kế toán mới đảm bảo được cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời phục vụ cho quản trị nội bộ cũng như làm cơ sở để đưa ra những chiến lược kinh doanh tối ưu.

Qua thời gian tìm hiểu thực trạng về công tác kế toán TSCĐ tại Công ty cổ phần Anh Linh, em thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán TSCĐ nói riêng tại công ty có những ưu điểm và nhược điểm sau:

3.1.1. Ưu điểm:

- Về bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức gọn nhẹ và theo mô hình kế toán tập trung. Mô hình này không những tạo điều kiện thuận lợi cho ban giám đốc trong việc kiểm tra, giám sát tình hình tài chính để có thể đưa ra những quyết định quản lý và chỉ đạo kinh doanh kịp thời, mà còn tạo điều kiện cho công tác phân công lao động, chuyên môn hoá theo các phần hành kế toán, nâng cao trình độ nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm của cán bộ kế toán.

Các phần hành kế toán được phân công tương đối rõ ràng và khoa học, có sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các phần hành với nhau, đảm bảo tính thống nhất về phạm vi, phương pháp tính toán, ghi chép. Từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu, phát hiện kịp thời những sai sót. Giúp ban lãnh đạo đánh giá được hiệu quả kinh doanh trong kỳ, qua đó xây dựng được kế hoạch kinh doanh phù hợp.

- Về hình thức sổ kế toán:

Công ty áp dụng theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ. Hình thức này phù hợp với nhiều loại hình doanh nghiệp như công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, hạn chế được số lượng sổ sách công kênh, giảm bớt khối lượng ghi chép, giúp cho ban lãnh đạo công ty thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh một cách thuận lợi và dễ dàng cung cấp thông tin kịp thời cho việc phân công công tác.

- Về công tác quản lý:

Công ty đã tìm cho mình một bộ máy quản lý, một phương thức kinh doanh sao cho có hiệu quả nhất. Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức một cách hợp lý, khoa học và hoạt động có nề nếp, phù hợp với loại hình và quy mô của doanh nghiệp. Đồng thời có những biện pháp quản lý một cách chặt chẽ công việc ở tất cả các khâu, từng bộ phận trong công ty một cách nhịp nhàng và có hiệu quả.

- Công tác kế toán TSCĐ:

Do nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác kế toán TSCĐ, công ty đã có những biện pháp tốt trong việc tổ chức hạch toán cũng như quản lý và sử dụng TSCĐ.

Việc giữ gìn và bảo quản TSCĐ luôn đạt hiệu quả cao. Hệ thống tài khoản áp dụng để theo dõi sự biến động của TSCĐ hoàn toàn tuân thủ theo quy định của chế độ kế toán do Nhà nước ban hành.

3.1.2. Nhược điểm:

Bên cạnh những ưu điểm đã nêu ở trên thì công tác kế toán TSCĐ ở công ty cổ phần Anh Linh cũng tồn tại những hạn chế:

- Về chứng từ sổ sách:

Mẫu giấy đề nghị thanh toán tiền của công ty chưa đúng với mẫu theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- Về công tác quản lý:

Trong công tác quản lý TSCĐ thì kiểm kê TSCĐ là biện pháp bảo toàn vốn cho công ty. Nhưng việc kiểm tra về chất lượng TSCĐ nhiều khi còn mang hình thức tương đối vì vậy không đưa đưa được kết quả chính xác về thực trạng TSCĐ của công ty. Bên cạnh đó, việc kiểm kê phân tích hiệu quả sử dụng TSCĐ của công ty không được tiến hành thường xuyên, ít nhiều ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư TSCĐ.

-Về lập bảng tính khấu hao:

Tại bảng trích khấu hao cơ bản của công ty chưa thể hiện rõ các loại TSCĐ được trích khấu hao vào chi phí sản xuất chung hay quản lý doanh nghiệp.

TSCĐ mua về công ty thường không được tính khấu hao ngay mà bắt đầu từ đầu tháng tiếp theo (Ví dụ công ty mua bộ máy tính tại ngày 8 tháng 5 nhưng bắt đầu từ ngày 1 tháng 6 mới đưa vào tính khấu hao), điều này phản ánh không kịp thời, chính xác tình hình khấu hao TSCĐ của công ty và chưa đúng theo quy định hiện hành.

3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại công ty cổ phần Anh Linh:

Trong thời gian thực tập tại công ty, nhờ sự giúp đỡ của Giáo viên hướng dẫn và cán bộ kế toán tại công ty em xin đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại công ty như sau:

1) Về chứng từ sổ sách:

Công ty nên sử dụng mẫu giấy đề nghị thanh toán tiền theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính:

Đơn vị:.....

Mẫu số: 05-TT

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ tr- ớng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày.....tháng.....năm....

Kính gửi:.....

Họ và tên ng- ời đề nghị thanh toán:.....

Bộ phận (Địa chỉ):.....

Nội dung thanh toán:.....

Số tiền :.....

Viết bằng chữ:.....

(Kèm theo.....chứng từ gốc)

Ng- ời đề nghị thanh toán

(ký, họ tên)

Kế toán tr- ớng

(ký, họ tên)

Ng- ời duyệt

(đóng dấu, ký, họ tên)

Ví dụ trong **Nghiệp vụ 4**, giấy đề nghị thanh toán (Biểu 2.22) sẽ viết như sau:

Đơn vị: CÔNG TY CP ANH LINH
Địa chỉ: Số 5 đường Đình Vũ-An Hải-Hải Phòng

Mẫu số: 05-TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ tr-ởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 28 tháng 01 năm 2010

Kính gửi: Ông Giám đốc công ty

Họ và tên ng-ời đề nghị thanh toán: Vũ Đình Hùng

Bộ phận: Đội xe

Nội dung thanh toán: Chi phí sửa chữa xe 16K-2708 tháng 1 năm 2010

Số tiền: 500.000 đ (Viết bằng chữ) Năm trăm ngàn đồng

Kèm theo.....chứng từ gốc

Ng-ời đề nghị thanh toán

Kế toán tr-ởng

Ng-ời duyệt

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(đóng dấu, ký, họ

tên)

2) Về công tác quản lý:

Để thực hiện tốt công tác quản lý, công ty cần tiến hành quản lý chặt chẽ TSCĐ của mình bằng các hình thức:

+ Tiến hành mở sổ kế toán theo dõi chính xác toàn bộ TSCĐ hiện có: Nguyên giá, khấu hao, giá trị còn lại theo đúng chế độ kế toán thống kê hiện hành, phản ánh trung thực, kịp thời tình hình sử dụng, biến động của tài sản trong quá trình kinh doanh.

+ Công ty phải tiến hành kiểm kê lại TSCĐ theo đúng định kỳ và khi kết thúc năm tài chính. Xác định số tài sản thừa, thiếu, ứ đọng và nguyên nhân gây ra tình hình trên để kịp thời đưa ra những biện pháp khắc phục cụ thể.

+ Tiến hành phân cấp quản lý TSCĐ cho các bộ phận trong nội bộ công ty, quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn, đồng thời kiểm kê đánh giá hiệu quả sử dụng TSCĐ trong năm. Đối với TSCĐ thuộc loại thanh lý hay nhượng bán thì công ty phải tiến hành lập hội đồng đánh giá thực trạng về mặt kỹ thuật, thẩm định về giá trị tài sản.

+ Thực hiện đánh giá lại TSCĐ vào cuối mỗi niên độ kế toán: Trong nền kinh tế thị trường giá cả thường xuyên biến động, hiện tượng hao mòn vô hình xảy ra rất nhanh chóng. Điều này làm cho nguyên giá và giá trị còn lại của TSCĐ không còn chính xác, phản ánh sai lệch so với giá trị hiện tại của chúng. Việc thường xuyên đánh giá và đánh giá lại TSCĐ giúp công ty lựa chọn được cho mình phương pháp khấu hao hợp lý nhằm thu hồi lại vốn hoặc có những biện pháp xử lý kịp thời đối với tài sản mất giá, tránh tình trạng thất thoát vốn.

3) Về kế toán sửa chữa TSCĐ:

TSCĐ của công ty gồm những phương tiện vận tải được sử dụng thường xuyên nên dễ xảy ra những hư hỏng cần được sửa chữa, chính vì vậy công ty cần mở sổ cái các tài khoản 142, 242 để phân bổ dần chi phí sửa chữa phát sinh ngoài kế hoạch.

4) Về việc lập bảng tính khấu hao:

Công ty nên lập sổ TSCĐ và Bảng tổng hợp trích khấu hao TSCĐ theo từng tháng để dễ thể hiện và theo dõi tình hình tăng, giảm và khấu hao TSCĐ của công ty:

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm:.....

Loại tài sản:.....

STT	Ghi tăng TSCĐ							Khấu hao TSCĐ			Ghi giảm TSCĐ		
	Chứng từ		Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước sản xuất	Tháng năm đưa vào sử dụng	Số hiệu TSCĐ	NG TSCĐ	Khấu hao năm		Khấu hao đã tính đến khi ghi giảm TSCĐ	Chứng từ		Lý do giảm TSCĐ
	Số	Ngày						Tỷ lệ khấu hao % hoặc số năm sử dụng	Mức khấu hao		Số hiệu	Ngày tháng năm	
A	B	C	D	E	G	H	1	2	3	4	I	K	L

Ngày...tháng... năm...

Kế toán trưởng

Người lập

VD:

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm:2009

Loại tài sản: Tài sản cố định hữu hình

STT	Ghi tăng TSCĐ						Khấu hao TSCĐ			Ghi giảm TSCĐ			
	Chứng từ		Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước sản xuất	Tháng năm đưa vào sử dụng	Số hiệu TSCĐ	NG TSCĐ	Khấu hao năm		Khấu hao đã tính đến khi ghi giảm TSCĐ	Chứng từ		Lý do giảm TSCĐ
	Số	Ngày						Tỷ lệ khấu hao % hoặc số năm sử dụng	Mức khấu hao		Số hiệu	Ngày tháng năm	
A	B	C	D	E	G	H	1	2	3	4	I	K	L
1			Ô tô 16H4095		T3/2006		250.000.000	7		122.023.810		T7/2009	Thanh lý
2			Ô tô 16K2708		T9/2006		260.000.000	7	37.142.857				
3			Ô tô 16K6802		T9/2006		260.000.000	7	37.142.857				
4			Ô tô 16K5834		T8/2007		350.000.000	8	43.750.000				

5		Máy tính		T6/2009		13.799.000	5	1.609.883				
6		Máy photocopy		T6/2009		15.000.000	5	1.750.000				
7		Văn phòng nhà kho công ty		2006		1.200.000.000	20	60.000.000				

Ngày 05 tháng 1 năm 2010

Kế toán trưởng

Người lập

BẢNG TỔNG HỢP TRÍCH KHẤU HAO TSCĐ

Tháng...năm...

STT	Ngày bàn giao	Tên tài sản	Bộ phận sử dụng	Nguyên giá	GTKH lũy kế đến cuối tháng n	Mức KH năm (hoặc thời gian sử dụng)	Số KH phải trích tháng n+1	Phân bổ cho đối tượng sử dụng			GTHM lũy kế đến cuối tháng n+1
								641	642	627	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=6+8
		Cộng									

Ngày... tháng... năm...

Kế toán trưởng

Người lập

BẢNG TỔNG HỢP TRÍCH KHẤU HAO TSCĐ

Tháng 12 năm 2009

S T T	Ngày bàn giao	Tên tài sản	Bộ phận sử dụng	Nguyên giá	GTKH lũy đến cuối tháng 11	Thời gian sử dụng	Số KH phải trích tháng 12	Phân bổ cho đối tượng sử dụng			GTHM lũy kế đến cuối tháng 12
								641	642	627	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=6+8
		Ô tô 16K2708	<i>đội xe</i>	260.000.000	129.714.286	7	3.095.238			3.095.238	132.809.524
		Ô tô 16K6802	--	260.000.000	129.714.286	7	3.095.238			3.095.238	132.809.524
		Ô tô 16K5834	--	350.000.000	101.562.500	8	3.645.833			3.645.833	105.208.333
		Máy tính	<i>QLDN</i>	13.799.000	1.379.850	5	229.983		229.983		1.609.833
		Máy photocopy	--	15.000.000	1.500.000	5	250.000		250.000		1.750.000
		Văn phong nhà kho công ty	--	1.200.000.000	235.000.000	20	5.000.000		5.000.000		240.000.000
		<i>CỘNG</i>		2.098.799.000	598.870.922		15.316.292		5.479.983	9.285.714	614.187.214

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán trưởng

Người lập

Hay công ty có thể thêm bảng tính và phân bổ khấu hao theo từng tháng để dễ theo dõi tình hình tăng giảm TSCĐ trong tháng như sau :

Bảng tính và phân bổ khấu hao tháng 5 năm 2009

Chi tiêu	NG	Hao mòn T5/2009	Bộ phận sử dụng		
			627	641	642
1. Mức trích KH T4/2009	2,320,000,000	17,812,499	12,812,499	-	5,000,000
2. Mức trích KH tăng T5/2009	28,799,000	315,149	-	-	315,149
Máy tính	13,799,000	178052	-	-	178,052
Máy photocopy	15,000,000	137,097	-	-	137,097
3. Mức trích KH giảm T5/2009	250,000,000	940,860	940,860	-	-
Xe ô tô 16H-4095	250,000,000	940,860	940,860	-	-
4. Mức KH T5/2009	2,098,799,000	17,186,788	11,871,639	-	5,315,149

5) Về công tác kế toán TSCĐ:

Các TSCĐ mới của công ty được đưa vào sử dụng ngày nào thì bắt đầu tính khấu hao từ ngày đấy giúp cho phản ánh chính xác, kịp thời tính hình khấu hao TSCĐ của công ty. Việc tính và trích khấu hao bắt đầu từ ngày ghi tăng hoặc ghi giảm NG TSCĐ phụ thuộc vào số ngày cụ thể của mỗi tháng theo công thức:

$$\text{Số ngày cần tính tăng, giảm KH (cần tính hoặc thôi tính)} = (\text{Số ngày của tháng} - \text{ngày tăng, giảm TSCĐ}) + 1$$

$$\text{Mức trích KHTSCĐ tăng, giảm trong tháng} = \frac{\text{NG}}{\text{Số năm sử dụng} \times 12} \times \frac{\text{Số ngày sd (thôi tính) KH}}{\text{Số ngày trong tháng}}$$

Ví dụ trong **Nghiệp vụ 1**, công ty mua bộ máy tính từ ngày 08 tháng 5 năm 2009, đưa vào sử dụng ngay nhưng đến ngày 1 tháng 6 năm 2009 mới bắt đầu trích khấu hao điều này không phản ánh đúng tình hình khấu hao của TSCĐ. Công ty nên trích khấu hao ngay tại ngày sử dụng:

$$\text{Số ngày cần tính tăng KH của máy tính} = (31-8) + 1 = 24$$

$$\begin{aligned} \text{Mức trích KH} \\ \text{tăng của máy tính} &= \frac{13.799.000}{5 \times 12} \times \frac{24}{31} \\ &= 178.052đ \end{aligned}$$

Như vậy số khấu hao phải trích trong năm 2009 của máy tính còn thiếu 178.025đ.

6) Về chế độ kế toán:

Công ty nên áp dụng chế độ kế toán theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2006. Quyết định này áp dụng cho các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa, phù hợp với quy mô của công ty. Hệ thống danh mục tài khoản theo quyết định này đơn giản hơn và rút gọn còn 51 tài khoản.

7) Bên cạnh việc đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại công ty cổ phần Anh Linh, em xin đề xuất một số ý kiến nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ tại công ty:

- Để nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ của công ty, trước hết người quản lý phải biết hiệu quả sử dụng TSCĐ của công ty hiện tại như thế nào. Muốn đạt được điều này công ty phải áp dụng một cách đầy đủ hệ thống chỉ tiêu đánh giá bao gồm hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng TSCĐ và các chỉ tiêu tài chính khác.

Thông qua kết quả đánh giá người quản lý có thể thấy được hiệu quả đạt được của từng loại TSCĐ và những nguyên nhân ảnh hưởng đến hiệu quả đó.

Điều này muốn đạt được còn phải tùy thuộc vào trình độ của người quản lý, đòi hỏi công ty phải không ngừng đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ của công ty, đặc biệt là cán bộ quản lý.

- Công ty nên sử dụng phương pháp khấu hao nhanh đối với một số TSCĐ cũ bởi:

- + Nhanh chóng thu hồi vốn khấu hao để đổi mới TSCĐ
- + Giảm bớt ảnh hưởng của thay đổi giá cả TSCĐ do tiến bộ kỹ thuật gây ra
- + Giảm bớt các hao phí sửa chữa TSCĐ khi sử dụng trong thời gian dài.

Tuy nhiên thời gian sử dụng TSCĐ cụ thể lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố trong đó chủ yếu là các cơ hội và đe dọa của thị trường, các mặt mạnh yếu của công ty,...

+ Thực hiện đánh giá lại TSCĐ vào cuối mỗi niên độ kế toán: Trong nền kinh tế thị trường giá cả thường xuyên biến động, hiện tượng hao mòn vô hình xảy ra rất nhanh chóng. Điều này làm cho nguyên giá và giá trị còn lại của TSCĐ không còn chính xác, phản ánh sai lệch so với giá trị hiện tại của chúng. Việc thường xuyên đánh giá và đánh giá lại TSCĐ giúp công ty lựa chọn được cho mình phương pháp khấu hao hợp lý nhằm thu hồi lại vốn hoặc có những biện pháp xử lý kịp thời đối với tài sản mất giá, tránh tình trạng thất thoát vốn.

- Thực hiện tốt chế độ bảo dưỡng, sửa chữa, dự phòng TSCĐ không để xảy ra tình trạng TSCĐ hư hỏng trước thời hạn hoặc hư hỏng bất thường gây thiệt hại cho quá trình kinh doanh. Trong trường hợp TSCĐ phải tiến hành sửa chữa lớn, cần cân nhắc tính toán kỹ hiệu quả của nó. Tức là xem xét giữa chi phí cần bỏ ra với việc đầu tư mua sắm mới TSCĐ để có quyết định cho phù hợp.

- Công ty phải chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro trong kinh doanh để hạn chế tổn thất TSCĐ do các nguyên nhân khách quan như: mua bảo hiểm TSCĐ, lập quỹ dự phòng tài chính...

- Thường xuyên giáo dục, nhắc nhở cán bộ công nhân viên trong công ty nâng cao ý thức trách nhiệm khi sử dụng, bảo quản TSCĐ. Nếu việc tổn thất

TSCĐ do các nguyên nhân chủ quan thì người gây ra phải chịu trách nhiệm bồi thường cho công ty.

KẾT LUẬN

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, để tạo ra sự cạnh tranh và luôn đứng vững trong nền kinh tế thị trường các doanh nghiệp phải luôn quan tâm đúng mức đối với việc đổi mới dây chuyền công nghệ, thay thế bằng máy móc thiết bị tiên tiến hiện đại, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng cũng như hạ giá thành sản phẩm. Mặt khác, doanh nghiệp là tế bào của nền kinh tế, sức cạnh tranh kinh tế của mỗi nước được quyết định bởi hoạt động và tính hiệu quả trong sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Để hoàn toàn hội nhập được với nền kinh tế trong khu vực và toàn quốc tế thì doanh nghiệp phải có đủ sức cạnh tranh và quy mô vốn lớn, kỹ thuật công nghệ hiện đại, uy tín trên thị trường. Để làm đạt được mục tiêu đó trước hết doanh nghiệp cần phải làm tốt công tác quản lý và điều hành sử dụng tài sản của mình. Mà trong đó: Quản lý sử dụng TSCĐ là một vấn đề khó khăn, phức tạp. Dù là doanh nghiệp có quy mô lớn hay nhỏ thì quản lý tài sản cố định vẫn luôn là vấn đề cốt lõi để nâng cao hiệu quả kinh doanh, nhất là những doanh nghiệp vận tải thì tầm quan trọng của TSCĐ càng rõ nét hơn.

Qua phân tích tình hình thực tế hiệu quả sử dụng TSCĐ tại công ty Cổ Phần Anh Linh, em đã phần nào thấy được những thành tựu mà công ty đã đạt được trong những năm qua và những hạn chế còn tồn tại cần khắc phục trong thời gian tới để công ty có thể nâng cao hơn hiệu quả kinh doanh của mình.

Tuy nhiên, do trình độ lý luận và thời gian thực tập tại công ty có hạn nên bài viết còn nhiều hạn chế và sai sót, em rất mong nhận được sự đánh giá, góp ý của thầy giáo Phạm Văn Tường và các cô chú trong công ty để em có thể hoàn thiện bài viết này.

Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn thầy giáo hướng dẫn Phạm Văn Tường cùng toàn thể các thầy cô giáo bộ môn Quản trị kinh doanh và các cô chú trong công ty đã tạo điều kiện và giúp đỡ em trong thời gian qua.

Sinh viên

Nguyễn Thị Thanh Hoà

Danh mục tài liệu tham khảo

- 1- **Giáo trình Kế toán tài chính** – TS Võ Văn Nhị, Th.S Trần Thị Duyên, Th.S Nguyễn Thị Ngọc Dung – NXB Thống kê.
- 2- **162 Sơ đồ kế toán doanh nghiệp** – Th.S Hà Thị Ngọc Hà, CN Vũ Đức Chính – NXB Thống kê.
- 3- **Hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp theo chế độ kế toán mới hiện hành** – TS Võ Văn Nhị .
- 4- **Hướng dẫn hạch toán kế toán báo cáo tài chính doanh nghiệp** – TS Võ Văn Nhị .
- 5- **Chế độ kế toán doanh nghiệp – Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán** (Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)
- 6- **Chế độ kế toán doanh nghiệp – Quyển 2: Báo Cáo Tài Chính, Chứng Từ và Ghi sổ kế toán, Sơ đồ kế toán** (Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)
- 7- **Tài liệu sổ sách kế toán** do công ty cổ phần Anh Linh cung cấp